



NHỮNG VẾT TÍCH VĂN HOÁ NGUYÊN THỦY Ở GÒ CÂY TUNG (AN GIANG - VIỆT NAM) QUA LẦN ĐÀO THỨ BA

PGS.TS Phạm Đức Mạnh*, NCV Đỗ Ngọc Chiến*

Di tích khảo cổ học Gò Cây Tung nay thuộc ấp Thới Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Ban đầu, khi các nhà nghiên cứu địa chất - bảo tàng - khảo cổ học Việt Nam đến khảo sát, di tích được định danh với tên gọi Trà Cột¹. Di tích Gò Cây Tung nằm trong hệ toạ độ địa lý: 10°33'32" vĩ tuyến Bắc - 104°59'50" kinh tuyến Đông, toạ độ vuông góc: 60°70' - 90°95", trên quả gò hình bầu dục trải theo hướng đông tây, hơi thoải dốc về phía nam rộng cỡ 11.700m², đỉnh gò cao khoảng 13,5m so với chân ruộng thấp nhất. Di tích được mang tên mới "Cây Tung" vì trên đỉnh gò có hai cây Tung cổ thụ mọc từ xa xưa².

1. Gò Cây Tung - những tư liệu đầu tiên

Vào tháng 10 năm 1990, tại Gò Cây Tung, những người tìm vàng đã đào 5 hố lớn trên đỉnh gò; trong đó hố ở trung tâm (9,5 x 8m, sâu 1,7m) và hố gần góc tây nam gò đã xâm phạm nền móng nền phế tích kiến trúc, làm xuất lộ 1 vỉa gạch. Tháng 11 năm 1990, di tích được khảo sát lần đầu và ghi nhận trên vách đào cũ trình tự địa tầng từ trên xuống, gồm:

- Từ 0 đến 0,3m là lớp đất canh tác.
- Từ 0,3 đến 0,6m là đường móng gạch dài 3m gồm 4 lớp ghi nhận ở vách phía nam.
- Từ 0,6 đến 1,2m là lớp đất màu xám sẫm pha nhiều cát, hầu như không bị xáo trộn.
- Từ 1,2 đến 2,2m là lớp đất xám sẫm có nhiều mảnh gốm vụn, xen kẽ bởi 4 lớp đất mỏng 2 - 6cm màu xám trắng bỏ rơi và không liên tục.

* Bảo tàng Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG TP.HCM.

– Từ 2,2m trở xuống, hố đào bị lấp.

Theo lời những người trực tiếp đào tại hiện trường, ở độ sâu 4,2m có thấy vài hạt chuỗi màu trắng đục, ở độ sâu 2,5m và 4,2m còn thấy 3 bộ di cốt người cùng một số mảnh xương. Đồ gốm vỡ vụn, khó phân biệt được loại hình. Gốm có chất liệu khá thuần, xương mỏng pha nhiều cát, màu nâu đỏ. Các mảnh có hoa văn rất nhiều, gồm văn vạch song song và khắc vạch hình tam giác. Kết quả khảo sát ghi nhận di tích Trà Cột có thang địa tầng giá trị với “lớp văn hoá tiền sử” (sâu 1,2 - 4,5m) và “lớp văn hoá Óc Eo” (đường móng gạch sâu 0,3 - 0,6m) ngăn cách rõ bằng lớp đất bồi tự nhiên dày tới 0,6m, đồng thời cũng nhận định đây là khu di chỉ cư trú - mộ táng³.

Khởi phát từ chương trình nghiên cứu “Văn hoá Nam Bộ” theo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, di tích Gò Cây Tung được cán bộ nghiên cứu Viện Khảo cổ học Việt Nam khảo sát vào tháng 8 năm 1993 và khai quật 2 lần vào các mùa điền dã 1993 - 1995⁴.

Trong lần khai quật thứ nhất từ 25/12/1993 đến 5/2/1994, các nhà nghiên cứu đã tiến hành bóc toàn bộ lớp đất phủ trên và trong móng nền kiến trúc ở đỉnh gò, tìm thấy 24 bộ di cốt được chôn rải rác trong và ngoài kiến trúc, đào thêm 3 hố thám sát và phát hiện một di chỉ cư trú có tầng văn hoá dày nằm sâu dưới chân gò. Lần khai quật thứ hai từ 25/12/1994 đến 5/2/1995, các nhà khảo cổ tập trung nghiên cứu phần di chỉ cư trú của Gò Cây Tung, đào 5 hố thám sát, sau đó phát triển thành 2 hố khai quật I và II.

Theo các nhà khai quật, di tích Gò Cây Tung là một phức hợp bao gồm các yếu tố kiến trúc thờ tự - vết tích tượng thờ, mộ táng và di chỉ cư trú. Kiến trúc thờ tự đã khai quật do gò nhân tạo đắp từ trầm tích di chỉ kế đó nên có lẫn di vật của thời Tiền sử (rìu - bôn đá) và có đặc điểm như sau: mặt bằng tổng thể hình chữ T, vật liệu chủ yếu là gạch (không tìm thấy ngói), kỹ thuật xây chồng, xếp song song hoặc so le, có tượng thờ bằng đá và các khối trang trí có lỗ vuông.

Qua lần khai quật thứ hai, các nhà nghiên cứu đoán định niên đại di chỉ Gò Cây Tung bắt đầu khoảng thế kỷ V - IV tr.CN kéo dài đến khoảng thế kỷ IV-V sau CN. Niên đại của kiến trúc được cho là sau thời kỳ văn hoá Óc Eo, vào khoảng thế kỷ IX - X sau CN. Mộ táng cùng niên đại hoặc muộn hơn với lớp kiến trúc⁵.

2. Di tồn văn hoá nguyên thủy Gò Cây Tung qua đợt đào lần thứ ba năm 2007

Di tích Gò Cây Tung được Bảo tàng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) phối hợp cùng Bộ môn Khảo cổ học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Bảo tàng An Giang tập trung khảo cứu phần diện tích cư trú thời tiền sử ở

sườn gò phía bắc - tây bắc và tiếp tục tìm kiếm di tồn văn hoá trên diện rộng xung quanh nó trong mùa điền dã tháng 3 năm 2007⁶ và có thêm một số tư liệu mới⁷.

Từ 2 hố thám sát hoàn chỉnh (hố thám sát 4 và hố thám sát 5), có thể thấy những vết tích thời kỳ tiền - sơ sử chen đan với dấu ấn thời cổ sử ở Gò Cây Tung làm phức hệ di tích ở đây trở nên đặc biệt quý giá và hấp dẫn. Mặt khác, chúng cũng cực kỳ phức tạp và khó bóc tách rạch ròi, vì hiện tượng xáo trộn địa tầng qua rất nhiều thời; đặc biệt các hoạt động nhiều thời kỳ biến khu vực này thành nghĩa trang và thành nơi thờ tự đã phá hỏng không ít diện tích cư trú xưa, làm xáo lộn nghiêm trọng địa tầng nguyên thủy trên các phần đỉnh và sườn gò phong phú nhất.

Trên cơ sở nghiên cứu địa tầng và tập hợp di vật, có thể tạm tách “phức thể di sản văn hoá” Gò Cây Tung thành 2 nhóm lớn dưới tên gọi: “Gò Cây Tung I” (*chủ yếu các di tồn tiền sử - sơ sử*) và “Gò Cây Tung II” (*di tồn văn hoá cổ sử thời Óc Eo và chủ yếu là thời “hậu Óc Eo”*). Ở đây, chúng tôi cố gắng tách lọc ở mức có thể được những di tồn tương ứng căn bản nhất, trong đó tập trung giới thiệu về di tích và hiện vật nhiều khả năng thuộc thời tiền sử và sơ sử nhất (giai đoạn Gò Cây Tung I).

2.1. Địa tầng di chỉ cư trú-mộ táng

Ngoài các vết tích văn hoá thời cổ sử, dấu tích văn hoá nguyên thủy hơn tiếp tục được ghi nhận trên sườn gò trong đất vườn ông Út Mạnh, thấp hơn 9,5m và cách đỉnh gò khoảng 55m về phía nam. Trong cả 2 hố thám sát (quy mô mỗi hố: $3 \times 2\text{m} = 6\text{m}^2$) cách nhau 31m, với tầng văn hoá khảo cổ học tiền sử dày trung bình từ 1,3m (hố thám sát 5) đến 1,9-2m (hố thám sát 4), chứa gốm cổ và một số di tồn văn hoá đặc trưng thời tiền sử ở Gò Cây Tung (công cụ nguyên và phế vật-phế liệu đá, vòng trang sức đá, bi gốm, di cốt động vật, than tro,...).

- Hố thám sát 4 (07GCT-TS4) có cấu tạo địa tầng khá đơn giản, từ trên xuống gồm:

+ Lớp đất mặt là lớp đất canh tác bị xáo trộn lẫn nhiều mảnh gốm và gạch vỡ, khá toi xốp, có màu xám bạc, độ dày từ 20 đến 40cm.

+ Tầng văn hoá dày khoảng 150 - 170cm, là lớp đất sét pha cát màu xám sẫm, xuống phía dưới càng đậm màu hơn (nâu đen), khá cứng nhưng kết cấu bở rời. Ở các lớp đào 5 - 6 (độ sâu 100 - 150cm) đất có màu xám vàng nhạt, các mảnh gốm rải đều và tập trung khá dày. Ở lớp đào 7 (độ sâu 165cm trở xuống), đất toi xốp màu xám trắng, mịn, gốm mảnh ít dần. Kết quả chỉnh lý hiện vật gốm cho thấy tầng văn hoá khá thuần nhất và tương đồng với lớp văn hoá trên (lớp I) của hố thám sát 5.

+ Sinh thổ là lớp đất cát pha màu nâu nhạt, xám trắng và hoàn toàn không có di vật.

- Hồ thám sát 5 (07GCT-TS5) nằm trên cùng mặt bằng với hồ thám sát 4, trình tự địa tầng từ trên xuống gồm có các lớp:

+ Lớp đất mặt là lớp đất canh tác bị xáo trộn lẫn nhiều mảnh gốm và gạch vỡ, khá tồi xối, có màu xám bạc, độ dày từ 20 đến 40cm.

+ Tầng văn hoá dày khoảng 80 - 110cm. Từ kết quả chỉnh lý đồ gốm có thể phân tầng văn hoá thành hai lớp:

Lớp I (lớp trên, muộn) dày khoảng 50 - 60cm, tương ứng với các lớp đào 1, 2, 3. Đồ gốm tập trung và ken dày nhất ở lớp đào thứ 3, có đặc điểm là phiôi gốm khá thô, dày, có lẫn các tiêu bản gốm kiểu Ốc Eo.

Lớp II: (lớp dưới, sớm) dày khoảng 40 - 55cm, tương ứng với các lớp đào 4, 5, 6. Đồ gốm cũng khá tập trung ở lớp đào 4-5, có đặc điểm là phiôi gốm khá mỏng, áo ngoài để thô hoặc miết láng-tô màu, màu xám nâu hoặc đỏ nhạt. Đồ gốm tuy táng (bị vỡ vụn) khá mỏng và không khác lắm so với gốm sinh hoạt.

+ Sinh thổ là lớp đất cát pha màu nâu nhạt, xám trắng, hoàn toàn không có di vật.

Đặc biệt, trong hố 07GCT-TS5, đã phát hiện được 3 mộ đất chôn gần sát nhau ở độ sâu 0,6 - 1m (từ phân lớp 4 đến 6) mà vết tích cốt sọ và xương sườn, xương chi còn để lại ghi nhận lối chôn nằm khá rõ. Riêng 1 mộ đất có di hài chôn ngửa còn cấm nguyên 1 cuốc đá thân hình trụ tròn chính ngay phần hạ bộ.

Địa tầng chung của di chỉ cư trú và di tồn mộ đất kèm theo gốm thô, rìu-cuốc đá, vòng đá... ứng với mẫu than lấy từ hố thám sát 5 (ký hiệu: 07GCT-TS5-T5 - HCM 02/07) cho kết quả phân tích C¹⁴: 2960 ± 80 BP. Bên cạnh đó là sưu tập hiện vật đặc trưng cho các giai đoạn văn hoá Ốc Eo - hậu Ốc Eo (như đồ đựng có vôi, nắp, hũ lọ, mảnh kim loại, đặc biệt có cả mảnh khuyên tai hình con đĩa bằng thiếc...), nhiều khả năng ứng với cả giai đoạn lịch sử kéo dài sau Công lịch đến thời điểm mà mẫu than lấy từ hố thám sát 4 (ký hiệu 07GCT-TS4-T2 - HCM 01/07) cho kết quả: 900 ± 45 BP.

2.2. Các di tồn mộ táng

Di tồn mộ táng ở Gò Cây Tung rất phong phú, dàn trải từ đỉnh về các sườn kế cận, với nhiều lớp mộ khác nhau.

Trong đợt khai quật đầu tiên (1993 - 1994), các nhà khoa học đã ghi nhận 24 ngôi mộ, phân bố trong 3 khu như sau:

- Khu A: 19 ngôi mộ phân bố trong lòng kiến trúc ở hố khai quật chính, trong đó 15 ngôi còn giữ nguyên vị trí ban đầu với cấu trúc nguyên hình hài di cốt (M1, M5-12, M18-23); 4 ngôi bị xáo trộn do các hố đào tìm vàng trước đó với các mảnh xương vỡ nằm lẫn trong các lớp đất xáo trộn (M2-4, M24-25).

- Khu B: 4 ngôi mộ tìm thấy trong hố thám sát ở chân gò phía nam, còn khá nguyên vẹn, không thấy hiện tượng xáo trộn, phân bố dàn trải khá thẳng hàng theo lối dàn ngang dọc xuống phía dưới chân gò ở các cấp độ cao thấp khác nhau (M13-16). Các mộ đều nằm trong lớp đất cát bồi có màu nâu đỏ, bên trên được đắp phủ lớp đất sét pha cát chứa nhiều gốm và gạch vỡ của công trình kiến trúc, cùng lớp đất canh tác trên cùng.

- Khu C: 1 ngôi mộ, tìm thấy cạnh sát nền móng ngoài kiến trúc phía đông bắc (M17) và vết tích một số mộ khác ở nền móng kiến trúc phía nam⁸.

Trong đợt điền dã - thám sát ở An Giang năm 2007, chúng tôi đã phát hiện thêm khoảng 3 mộ đất trong hố đào 07GCT-TS5 (chúng tôi ký hiệu là khu mộ D). Những ngôi mộ này bị huỷ hoại khá nặng, các mảnh sọ, răng và đặc biệt là xương vụn của sườn và các chi bị kết dính với nhau trong địa tầng. Do khai quật giữa mùa khô, việc xử lý kỹ lưỡng chúng rất khó khăn vì không có nước để làm mềm thổ nhưỡng khi bóc tách. Quan sát kỹ vị trí các cốt sọ ở cả 3 cụm xương này, chúng tôi ghi nhận lối táng thức về căn bản tương đồng với nhân cốt trong nghĩa trang đã khai quật năm 1993 - 1994. Một số vết tích ghi nhận các cốt sọ bị lật hẳn sang bên trái hay bên phải đốt xương cổ, chắc hẳn do xáo trộn của địa tầng khi kiến thiết kiến trúc trên đỉnh gò của người đời sau. Tuy nhiên, các cụm mộ này cũng có thêm thông tin mới rất quan trọng để định vị niên đại cho cả nghĩa trang mộ đất và táng thức thống nhất nơi đây. Cụ thể:

Ở cụm xương của mộ đất ký hiệu 07GCT-TS5-M1 còn bảo tồn 48 mảnh sọ, 89 mảnh xương chi và xương sườn. Ngoài ra, còn có 1 răng động vật có thể liên quan đến táng tục chôn theo thú từng biết trong nghĩa địa Gò Cây Tung năm 1993-1994⁹.

Ở cụm xương của mộ đất ký hiệu 07GCT-TS5-M2 còn bảo tồn 180 mảnh sọ, 315 mảnh xương chi và xương sườn. Ngoài ra, còn có 10 mảnh sọ động vật và 9 xương chi động vật nhỏ có thể liên quan đến táng tục chôn theo thú ở đây, cùng một số mảnh gốm thô vỡ vụn mà các nhà khai quật năm 1993 - 1995 từng gọi là “gốm cổ đặc trưng Gò Cây Tung”.

Ở cụm xương của mộ đất ký hiệu 07GCT-TS5-M3 còn bảo tồn 38 mảnh sọ, 643 mảnh xương chi và xương sườn, cùng một số mảnh gốm thô vỡ vụn; đặc biệt trong cụm xương phần hạ bộ của mộ này còn cảm nguyên 1 cuốc đá đen có thân hình trụ tròn rất độc đáo¹⁰.

2.3. Di tồn vật chất thời tiền sử - sơ sử qua đợt sưu tầm, thám sát ở di chỉ cư trú - mộ táng Gò Cây Tung năm 2007

2.3.1. Đồ đá

- Cuốc: 1 tiêu bản nguyên và 6 mảnh vỡ.

+ Tiêu bản hoàn chỉnh và còn nguyên vẹn mang ký hiệu 07GCT-TS5-M3-27 có thân hình trụ, mặt cắt ngang gần tròn, phần lưỡi cong được mài vát thẳng sang một bên tạo thành một mặt âm (mặt phẳng) và một mặt dương (mặt cong), bên mặt phẳng có hai đường gờ nhẹ ở hai bên, lưỡi thon gọn và khá sắc, được làm bằng đá đen, quy mô 14 x 4,7 x 4,2cm, nặng 520gr. Đây là đồ tùy táng nằm giữa thi hài mộ đất (07GCT-TS5-M3) trong hố thám sát 5.

+ Mảnh vỡ cuốc: Các mảnh này nếu phục dáng sẽ có cùng loại hình và kích cỡ của kiểu cuốc “hình trụ tròn”. Mảnh mang ký hiệu 07GCT-TS4(6)-13 có chất liệu đá màu xanh đen, chỉ còn phần lưỡi được mài nhẵn bóng, góc lưỡi lớn và vát lệch hẳn sang một bên, quy mô còn: 3,6 x 4,2 x 2,6cm, nặng 30gr. Mảnh 07GCT-TS5(4)-19 là một phần đốc vỡ kiểu cuốc thân hình trụ, thiết diện ngang hình bầu dục, đốc thon gọn và hơi lồi lên, phần giữa thân hơi phình ra một chút, xung quanh thân được mài nhẵn nhưng vẫn còn lưu lại một số vết ghe (4,6x3,8-4,7x2,3-3,2cm). Mảnh 07GCT-TS5(5)-26 là một đoạn thân giữa (bị gãy hai đầu), thiết diện ngang thân hình bầu dục, mài toàn thân, kích thước còn lại: 3,7 x 5,3 x 3,9cm.

- Rìu - bôn: 9 tiêu bản (3 chiếc nguyên và gần nguyên, 6 phác vật - phế vật).

Phần lớn rìu bôn Gò Cây Tung được làm bằng đá gốc và đá cuội có màu đen, hạt mịn, độ cứng cao, được mài nhẵn toàn thân, tạo dáng gần hình thang hay chữ nhật. Từ viên cuội tự nhiên, người thợ gia công ghe tạo thân lưỡi mỏng dẹt và mài sắc cả hai mặt, tạo thiết diện lưỡi hình chữ V khá cân xứng, mặt cắt ngang thân gần hình bầu dục hoặc gần chữ nhật hay giống chữ U lệch; phần thân và đốc thường giữ nguyên lớp vỏ cuội nhẵn.

Chiếc mang ký hiệu 07GCT-TS4(3)-1 có thân dẹt, quy mô 8x3,8-5,6x1,8cm, nặng 128gr, được làm từ đá xanh đen tạo hình đốc hơi cong tròn, lưỡi mài vát gần thẳng. Chiếc mang ký hiệu 07GCT-TS4(4)-2 còn dấu mờ một phần thân và lưỡi, quy mô 6,5x3,4-4,5x1,7cm, nặng 70 gram, làm từ đá xanh đen tạo hình đốc hơi cong tròn, lưỡi mài vát nhẵn gần đều. Còn chiếc ký hiệu 07GCT-TS5(3)-10 tạo hình đốc hơi nhô, lưỡi mài vát hơi xòe và có rìa thẳng, mài cả hai bên thân nhưng còn nhiều vết ghe đẽo, quy mô 5,2x2,4-4,1x1,55cm, nặng 40gram.

- Phác vật: 2 tiêu bản. Chiếc có ký hiệu 07GCT-TS5(1)-3 làm từ đá màu xanh đen, tạo hình rìu tứ giác nhưng rìa lưỡi còn khá dày, có dấu mài sơ trên thân nhưng còn nhiều vết ghe chĩnh ở cả 2 mặt, quy mô: 4,6x3,4x2,1cm, nặng 40 gram. Phác vật hình rìu bằng thạch anh màu trắng ngà ký hiệu 07GCT-TS5(1)-2, với mặt cắt ngang thân gần hình thoi, quy mô: 7,7x5,05 x3cm, nặng 110 gram.

- Đục: 1 tiêu bản được phát hiện trên cánh đồng Trà Cột, gần chân Gò Cây Tung, ký hiệu 07GCT-ST-1 là kiểu đục tứ giác hình trụ bằng đá phủ lớp phấn xám trắng mỏng, mài khá nhẵn tạo thân vuông cạnh, quy mô: 8,3x1,65-1,7x1,8cm, nặng 63 gram.

- *Bàn mài*: 5 mảnh, trong đó 1 mảnh còn định hình, các mảnh còn lại đã bị vỡ nhỏ. Tiêu bản 07GCT-TS5(3)-10 được lấy từ chất liệu đá cát hạt thô màu xám nâu, dấu mài lõm ở cả hai mặt, gần hình đa giác, đã bị vỡ một phần (quy mô: 17x12x6,8cm).

- *Bàn nghiền*: 1 tiêu bản, tìm thấy ở hố thám sát năm 2007, kết cấu hạt thô giống đá hoa cương, được sử dụng lõm cả 2 mặt lớn, quy mô: 13x7,5x5,2cm.

- *Chày nghiền*: 2 tiêu bản; tiêu bản 07GCT-TS4(4)-3 có thân hình trụ ngắn, mặt cắt ngang thân hình bầu dục, chất liệu dạng đá granit, hạt hơi thô, có dấu mài ở thân, đầu lớn bị vỡ ở hai bên, đầu nhỏ hơi vát lệch (9,8x8,5x6,8cm). Chiếc ký hiệu 07GCT-TS4(5)-1K là một hòn cuội hình bầu dục đã bị vỡ ở đầu lớn, đầu nhỏ còn lại có dấu vết sử dụng (9x8x5,4cm).

- *Vòng trang sức*: 3 tiêu bản đều chế tác từ đá gốc (màu xanh đen, hạt mịn) bằng kỹ thuật cưa, phương pháp khoan tách lõi và mài nhẵn. Mảnh vỡ mang ký hiệu 07GCT-TS4(6)-3 làm từ diệp thạch hạt mịn, còn dấu mài và tu chỉnh khá kỹ, mặt cắt bản tam giác rõ, quy mô còn 4,3x1,6x1,1cm, nặng 12gr. Riêng tiêu bản sưu tầm ở chân Gò Cây Tung mang ký hiệu 07GCT-ST-2 còn gần 1/2 vòng, với dấu mài kỹ bóng lộn ở cả hai mặt, lộ rõ các chấm đốm trắng trên nền xanh đen, đường kính vòng rộng khoảng 10,8cm, bản rộng 2,45cm và dày 1,8cm.

- *Đá nguyên liệu và có vết chế tác*: 25 mảnh vỡ các loại, chất liệu tương đồng với các loại di vật đá trên.

2.3.2. Đồ gốm và đất nung

- *Dọi se sợi*: 1 tiêu bản, ký hiệu 07GCT-TS4(6) bị vỡ chỉ còn 1/2, có hình bầu dục dẹt, quy mô rộng 2,2cm và dày 0,9cm, lỗ tròn rộng 0,24cm.

- *Bi - đạn*: 48 tiêu bản nguyên vẹn hoặc còn 1/2 viên, đều được nặn bằng tay, hình tròn hoặc gần tròn, với nhiều màu khác nhau (đỏ gạch, vàng nhạt, trắng xám, xám đen...), đường kính khoảng 1,45 - 2,65cm.

- *Thỏi đất nung*: 172 tiêu bản, có hình gần tròn hay méo mó, một số có thân tròn, đầu chuốt nhọn giống hình "viên đạn", đường kính thân từ 0,9cm (thỏi nhỏ màu xám nâu) đến 3,2cm (thỏi lớn màu đỏ - vàng nhạt).

- *Vòng trang sức*: 1 tiêu bản, ký hiệu 07GCT-TS5(3)-131, còn mảnh nhỏ có mặt cắt hình tam giác khá thô, dài 3,2cm, bản vòng quy mô 1,6 x 1,5cm, đường kính phục nguyên 5,6cm.

- *Gốm vỡ*: 26.525 mảnh¹¹; bao gồm 3.569 mảnh miệng = 13,45%; 22.468 mảnh thân = 84,7% (với 16.255 mảnh thân trơn = 72,3% tổng số mảnh thân và 6.213 mảnh có hoa văn = 27,7% tổng số mảnh thân) và 488 mảnh đáy-đế đồ đựng = 1,83%. Các mảnh đồ đựng này thu thập phần lớn trong các lớp đào sâu nhất của cả 2 hố thám

sát ở phần sườn Gò Cây Tung, cụ thể: lớp mặt có 231 mảnh = 0,87%; lớp 1 có 1.331 mảnh = 5,01%; lớp 2 = 1.749 mảnh = 6,59%; lớp 3 = 7.468 mảnh = 28,15%; lớp 4 = 6.229 mảnh = 23,48%; lớp 5 = 5.356 mảnh = 20,19%; lớp 6 = 3.546 mảnh = 13,36%; lớp 7 = 615 mảnh = 2,31%.

Nhìn chung, gốm thô truyền thống đặc trưng nhất ở Gò Cây Tung rất giống nhau trong di chỉ cư trú, trong lớp đất phủ - rải mộ đất và trong cả lớp đất phủ nền hay bề mặt kiến trúc thời muộn hơn. Sự khác biệt của gốm giữa các hố và các lớp chỉ nhận biết về một số loại hình, độ dày mỏng và hoa văn trang trí. Chúng thường có xương dày trung bình 0,7-1,4cm, làm bằng đất sét pha cát hoặc bã thực vật, có màu xám, xám đen hay xám đỏ hoặc trắng ngà, độ nung cao, rắn chắc (nhiều mảnh cứng như sành).

Về loại hình căn bản, gốm cổ đặc trưng của Gò Cây Tung bao gồm các kiểu loại nổi truyền thống ở Nam Bộ - nổi hình cầu và hình gần bầu dục; các kiểu đĩa hay bát nông lòng đáy bằng, đáy tròn hay có chân đế dày thô và ngắn. Tổng hợp sưu tập mảnh qua các đợt khai quật - thám sát có 204.845 tiêu bản, trong đó có 15.354 mảnh miệng = 7,49%; 188.069 mảnh thân = 91,81% (với 161.522 mảnh thân tròn = 85,88% tổng số mảnh thân và 26.511 mảnh có hoa văn = 14,09% tổng số mảnh thân) và 1.421 mảnh đáy - đế = 0,69%.

Loại hình miệng chủ yếu của đồ đựng Gò Cây Tung là miệng loe (7.562 mảnh = 63,4%), với nhiều kiểu dáng và phụ kiểu khác nhau như:

a. Loại 1: 2.710 mảnh (= 22,7%). Miệng loe, gờ trung bình, cổ thắt eo (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3(1)-41).

b. Loại 2: 4.141 mảnh (= 34,7%). Miệng loe, gờ miệng bẻ cong ra ngoài, mép trong lõm thành 2 cấp (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS1(2)-5; 94GCT-HTS3(3)-25).

c. Loại 3: 183 mảnh (= 1,5%). Miệng loe, gờ miệng nhô cao, cổ cong gấp hẳn, với 2 phụ kiểu:

c1. Kiểu 1: Gờ miệng nhô cong trên, vai gốm có 1-2 gờ nổi sắc cạnh (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS1(2)-5).

c2. Kiểu 2: Gờ miệng nhô cong trên và dưới, vai gốm không tạo gờ (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS1(3-2)-7).

c3. Kiểu 3: Miệng loe, gờ miệng xuôi và nhỏ hơi nhô xuống dưới, cổ cong gấp (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS1(3-2)-8).

d. Loại 4: 5 mảnh (= 0,04%). Miệng loe, gờ miệng nhô cao, cổ cong rộng (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS1(3-2)-10).

e. Loại 5: 455 mảnh (= 3,9%). Miệng loe, gờ miệng nhô cao thẳng, cổ vát gấp dáng như chiếc đầu; với 6 phụ kiểu sau:

e1. Kiểu 1: Gờ miệng nhô cao không tạo thành mấu (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3(2)-40).

e2. Kiểu 2: Gờ miệng cao không mấu và vát hẳn xuống dưới (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3(3)-23).

e3. Kiểu 3: Gờ miệng hơi lõm, có thêm gờ nhô giáp gờ miệng và cổ gồm (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3(1)-34).

e4. Kiểu 4: Gờ miệng có hoa văn khắc lõm (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3(3)-20).

e5. Kiểu 5: Gờ miệng nhô cao và có thêm đường gờ nổi ở giữa (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3(2)34).

e6. Kiểu 6: Gờ miệng giập 2 cấp (phần trên rộng phẳng, phần dưới nhô ra ngoài và có thêm 2 dải văn khắc lõm (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3(1)-38).

f. Loại 6: 68 mảnh (= 0,6%). Miệng loe, gờ miệng cỡ trung bình, có thêm 1 gờ vai sắc cạnh (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3(2)-43).

Loại miệng thẳng hoặc gần thẳng rất ít (739 tiêu bản = 6,2%) nhưng khá độc đáo với các kiểu sau:

g. Loại 7: 441 mảnh (= 3,7%). Miệng gần thẳng, có tiêu bản hơi ngả khum vào, thân dày thẳng, với 2 phụ kiểu sau:

g1. Kiểu 1: Gờ miệng xuôi nhô ra ngoài và tràn vào trong (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS1(2)-2).

g2. Kiểu 2: Gờ miệng xuôi và nhô ra ngoài (Mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3 (3-2)3).

h. Loại 8: 44 mảnh (= 0,4%). Miệng thẳng, có mảnh hơi khum vào, gờ miệng rộng loe ngang, cổ dài và thẳng; với 3 phụ kiểu sau:

h1. Kiểu 1: Miệng thẳng, gờ miệng loe ngang, có thêm 2 gờ nổi sắc cạnh viền ngoài cổ gồm (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS1(3-1)9).

h2. Kiểu 2: Miệng thẳng, gờ miệng hơi lõm lên trên, không có gờ ngoài cổ (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS1(3-2)8).

h3. Kiểu 3: Gờ miệng hơi khum ở mép trong (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS1(3-2)11).

i. Loại 9: 7 mảnh (= 0,06%). Miệng thẳng, gờ miệng cao hơi khum vào, cổ thẳng, phần giáp cổ và gờ miệng có tạo thêm gờ nổi với hoa văn khắc lõm (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS1(3-3)3).

k. Loại 10: 247 mảnh (= 2,2%). Miệng hơi khum vào, cổ cao thẳng, thân vát cong, có tạo các gờ nhô ở miệng, ở cổ và giáp cổ - thân gồm; với 4 phụ kiểu sau:

k1. Kiểu 1: tạo 3 đường gờ phía ngoài đồ đựng (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3(2)-24).

k2. Kiểu 2: tạo 2 đường gờ phía ngoài đồ đựng cách xa nhau.

k3. Kiểu 3: tạo 2 đường gờ phía ngoài đồ đựng gần sát nhau.

k4. Kiểu 4: tạo 3 đường gờ phía dưới đồ đựng (không có gờ miệng).

Loại miệng khum vào có khá nhiều ở Gò Cây Tung (3.613 mảnh = 30,4%), với các phụ kiểu sau:

l. Loại 11: 3.140 mảnh (= 26,3%). Miệng hơi khum vào, cổ cao thẳng, thân vát cong, có tạo các gờ trên thân gồm, với các phụ kiểu sau:

11. Kiểu 1: Miệng hơi khum vào, tạo gờ miệng nhô ra ngoài.

12. Kiểu 2: Miệng hơi khum vào, không có gờ miệng rõ (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3(2)-47).

13. Kiểu 3: Miệng hơi khum vào, thành cao và cong giống dáng âu gồm (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3(2)-46).

m. Loại 12: 473 mảnh (= 3,9%). Miệng khum vào, gờ miệng vê và vuốt nhô ra ngoài, cổ cao, tạo gờ giáp phần cổ và thân gồm, thân đồ đựng thấp cong (mảnh tiêu biểu: 94GCT-HTS3(1)-44).

Đồ gồm Gò Cây Tung đa phần đáy tròn, rất ít kiểu đáy bằng và gồm có chân đế. Không tính tới 522 mảnh chân đế vụn (36,1%), trong các mảnh chân đế được nhận dạng tốt nhất, chiếm số lượng lớn nhất là chân đế loại 3 (500 mảnh = 34,5%) và loại 2 (242 mảnh = 16,7%). Các loại khác không nhiều, với nhiều phụ kiểu khác nhau; đặc biệt loại 4 rất độc đáo với lõi chế tác tạo đế liền với đồ đựng rất giống dạng đèn hay giá đỡ đồ đáy tròn của gốm Óc Eo. Cụ thể:

n. Loại 1: 138 mảnh (= 9,5%). Chân đế choãi đơn giản, mép vo tròn đều, thành đế thẳng, với các phụ kiểu sau:

n1. Kiểu 1: Đế to dày, mép tiếp đất tròn nhỏ và dày dần lên phần gắn với đồ đựng, có mảnh tạo gờ viền quanh gần phần giáp thân đồ đựng. Kiểu này có các cỡ đế cao thấp khác nhau và về độ dày, có thể nhận dạng thành nhiều phụ kiểu với các tiêu bản ký hiệu: 07GCT-HTS5(3)-d18, 07GCT-HTS5(4)-d13,... (phụ kiểu 1a); tiêu bản ký hiệu: 94GCT-HI(2a)G18 (phụ kiểu 1b) và tiêu bản ký hiệu: 94GCT-HI(2a)-G1 (phụ kiểu 1c), với thành đế mỏng, mép tiếp đất dày hơn; các tiêu bản ký hiệu: 07GCT-HTS5(5)-d6, 07GCT-HTS5(5)-d7, 07GCT-HTS5(5)-d8 (phụ kiểu 1d), với thành đế cong lồi và mép tiếp đất vê dày rồi mỏng dần lên phần giáp thân đồ đựng.

n2. Kiểu 2: Đế choãi, thành thẳng hay hơi cong lồi, giữa vành đế vuốt tạo một gờ sắc viền quanh, đế kiểu này thường có trang trí văn thừng mịn dưới gờ nổi (có mảnh văn bố trí cả phần trên; có mảnh vành đế được trổ 1 lỗ thủng). Mảnh tiêu biểu: 95GCT-HI(2)-b2-G19, 07GCT-HTS5(5)-d1, 07GCT-HTS5(5)-d2,...

n3. Kiểu 3: Đế choãi, thành thẳng hay hơi cong lồi, giữa vành đế vuốt tạo hai gờ sắc viền quanh. Đế kiểu này thường có trang trí văn thừng mịn dưới gờ nổi (có mảnh văn bố trí cả phần trên; có mảnh vành đế được trổ cả dải lỗ thủng, có mảnh còn tạo dải văn răng cưa lồng nhau viền sát phần mép tiếp đất) (mảnh tiêu biểu: 95GCT-HI(2)-b2-G24, 95GCT-HI(2)-b1, 95GCT-HI(2)-b2-G21,...).

o. Loại 2: 242 mảnh (= 16,7%), với các phụ kiểu sau:

o1. Kiểu 1: Đế choãi, thành cao và trung bình, giữa thành đế tạo gờ viền quanh, mép tiếp đất vuốt tròn dày bè sang hai bên, trên thành đế thường trang trí văn thừng hay khắc vạch tạo hình răng cưa viền ngang, có mảnh tạo dải băng ẩn lõm ở chính giữa gờ mép tiếp đất rất độc đáo và đẹp mắt (các mảnh tiêu biểu: 94GCT-HI(2b)G14a, 95GCT-HI(2)-b2-G17,...)

o2. Kiểu 2: Đế choãi, thành thấp và rất thấp, mép tiếp đất dày to bè ra đáng thô nhưng khá vững chãi, thành đế để trơn (các mảnh tiêu biểu: 95GCT-HII(4)-390, 95GCT-HII(4)-411, 07GCT-HTS5(3)-d1, 07GCT-HTS4(M)-d2).

p. Loại 3: 500 mảnh (= 34,5%), với các phụ kiểu sau:

p1. Kiểu 1: Đế choãi đơn giản, thành thấp hoặc trung bình, mặt ngoài thành thường cong lõm, mép tiếp đất dày thô (các mảnh tiêu biểu: 94GCT-HI-2, 95GCT-HI(8)-553, 95GCT-HII(5)-432, 95GCT-HII(4)-394, 95GCT-HI(2a)-G6).

p2. Kiểu 2: Đế choãi đơn giản, thành cao hoặc trung bình, mặt ngoài thành thường cong lõm, mép tiếp đất dày thô, có mảnh vuốt lẹ ra tạo mặt cắt giống hình nửa mũi tên, trên thành đế để trơn hay có các đường chỉ chìm viền quanh. Dựa vào độ dày của vành đế có thể nhận diện 2 phụ kiểu, với các mảnh tiêu biểu: 95GCT-HII(5)-428, 95GCT-HII(5)-584,... (phụ kiểu 2a) và các tiêu bản mang ký hiệu: 07GCT-HTS4(7)-d14, 07GCT-HTS4(6)-d16,... (phụ kiểu 2b).

p3. Kiểu 3: Đế choãi, thành đế lõm cong khá cao, đầu mép tiếp đất vuốt tạo thành gờ có mặt cắt giống tam giác mà góc là mép tiếp đất, thành đế để trơn hoặc có đường chỉ miết gần gờ mép (các mảnh tiêu biểu: 95GCT-HI(7)-591, 95GCT-HII(5)-423,...)

q. Loại 4: 5 mảnh (= 0,3%). Đế nhỏ hẹp và khá cao, thành dày, có mảnh gần như đặc giống đáy bằng, thường là đáy - đế của dạng gốm gọi là “đền” hoặc dạng giá đỡ kiểu đồ đựng đáy tròn trong gốm Tiền sử và Cổ sử, với 2 phụ kiểu sau:

q1. Kiểu 1: Đế đặc, thành đế cong lõm, đáy bằng hoặc phần tròn hơi lõm (các mảnh tiêu biểu: 95GCT-HI-7, 95GCT-HI-3).

q2. Kiểu 2: Dáng giống kiểu trên nhưng phần tròn khoét lõm gần hình cung tròn (các mảnh tiêu biểu: 95GCT-HI-6, 95GCT-HII(3)- 461).

r. Loại 5: 42 mảnh (= 2,9%). Đế thấp, thành thẳng hay hơi choãi gần như hình vuông, là đế của đồ đựng dạng tô hay bát lớn (các mảnh tiêu biểu: 95GCT-HII(5)-450, 07GCT-HTS4(6)-d15).

Gốm Gò Cây Tung đa phần là gốm thô và trơn. Các mảnh có hoa văn phần lớn có nguồn gốc kỹ thuật (văn thừng hay chải với các cỡ thô-mịn khác nhau) (17.587 mảnh = 10,5%), thường tạo phủ kín thân và đáy đồ đựng theo chiều dọc, hoặc cắt chéo nhau tạo thành hình thoi hay ô vuông nhỏ, một số tiêu bản làm nền cho các dạng văn khác (đắp nổi hay khắc vạch).

Dạng văn đắp nổi hoặc tạo thành gờ (để trơn hay ấn lõm) viền quanh đồ đựng trên vai hay trên cả đế rất độc đáo ở phức hợp gốm Gò Cây Tung. Các kiểu văn khắc vạch cũng khá đa dạng thể hiện trên cả gốm mịn và thô hay rất thô, với các đồ án và họa tiết thường thấy như các đường chỉ viền, các đường song song kiểu khuông nhạc hay gấp khúc đơn hoặc kép giống răng cưa, các đường cung liền hay cung rời cách quãng nhau, văn kiểu xương cá v.v...

Không ít loại hình, chất liệu và hoa văn trang trí của gốm mảnh Gò Cây Tung có thể so sánh đồng dạng với gốm Cần Giò (Duyên Hải – Thành phố Hồ Chí Minh) và cả gốm Óc Eo điển hình; đặc biệt thấy rõ ở tập hợp gốm mịn không pha bã thực vật khừ nhòn, lọc cát kỹ với các dụng cụ “đặc sản” Óc Eo kiểu nắp đậy hay gốm có vôi và nôi nấu kim loại hoặc chảo - chén nấu thủy tinh và các dạng giống “chai gốm”... Những kiểu loại này, đôi khi, do nguyên nhân xáo trộn nhiều thời của địa tầng Gò Cây Tung, có thể nằm ở những phân lớp địa tầng sâu nhất bên những phức thể gốm Tiền sử thực thụ. Chúng tôi hy vọng các hố đào năm 2008 sẽ ghi nhận các địa tầng không có gạch kiến trúc muện và không có cả mộ đất chen lẫn có thể đem lại nhiều thông tin “in situ” đáng tin cậy hơn.

2.3.3. Di cốt động vật

Đợt thám sát năm 2007 có diện tích nhỏ và cũng không tìm thấy những di vật chế tác từ xương sừng kiểu hạt chuỗi (12 tiêu bản), khuyên tai (1 tiêu bản), vòng trang sức (4 tiêu bản) như trong các mộ đất khai quật năm 1994. Tuy vậy, trong trầm tích di chỉ cư trú và mộ táng thám sát năm 2007 cũng tìm thấy một số tiêu bản xương, răng động vật là tàn tích thức ăn hoặc là vật hiến sinh (162 mảnh các loại). Qua các lần khai quật - thám sát, có thể thấy xương, răng thú thu nhặt được cũng khá nhiều, chủ yếu là xương trâu bò, sừng hươu, xương cá, các răng hàm có rãnh dọc hơi cong của động vật ăn cỏ... Một số tiêu bản răng nanh thú có khả năng được người cổ Gò Cây Tung gia công thêm làm trang sức (?). Đặc biệt, có

không ít xương cốt thú dùng táng theo người chết; ví như nhiều xương thú với chân giò heo (1 chân hay nguyên cặp), bộ xương răng hàm hay răng nanh heo, các hộp sọ (có sọ thú xương trán phẳng, hốc mắt vuông có ngạnh), và các đốt chi thú nhỏ giống chồn, sóc..., cùng các mảnh gốm thô dày cứng vỡ vụn chôn trong các mộ như mộ 5 (94GCT-M5), mộ 19 (94GCT-M19), mộ 21 (94GCT-M21), mộ 22 (94GCT-M22), mộ 23 (94GCT-M23), mộ 25 (94GCT-M25) - khu A; mộ 13 (94GCT-M13), mộ 16 (94GCT-M16) - khu B; mộ 17 (94GCT-M17) - khu C,... Trong đó, đáng lưu ý nhất là hiện tượng chôn theo heo (thủ và chân giò) trong các mộ địa - phong tục từng ghi nhận có ở các nghĩa trang Giồng Nổi (Bến Tre) và Gò Ô Chùa (Long An)¹².

3. Kết quả giám định các mẫu vật Gò Cây Tung năm 2007

3.1. Phân tích thạch học qua kính hiển vi phân cực

Sau khi chỉnh lý các di vật đá thời tiền - sơ sử ở Gò Cây Tung, chúng tôi đã gửi 5 mẫu đá cho Trung tâm phân tích thí nghiệm - Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Nam để định lượng thành phần thạch học (xác định tên đá) bằng phương pháp giám định lát mỏng dưới kính hiển vi phân cực và khảo cứu ảnh chụp lát mỏng.

- Mẫu 1: ký hiệu 07GCT-HTS4(6)-8 là mảnh vỡ công cụ (rìu-bôn?) có màu xám lục sậm, cỡ hạt mịn, quy mô 3,8x2,8x1,5cm. Kết quả: Đá sừng actinolit-tremolit-zoisit-epidot. Đây là đá biến chất có kiến trúc hạt biến tinh, cấu tạo khối rắn chắc, sắc cạnh; gồm tập hợp actinolit, tremolit, zoisit-epidot hạt bé xen kẽ nhau (94-96%), plagioclaz (ít-1%) và quặng (3-5%).

- Mẫu 2: ký hiệu 07GCT-HTS5(3)-16 là mảnh vỡ công cụ (rìu-bôn?) có màu xám sậm, cỡ hạt mịn, quy mô 5,3x3,2x1,3cm. Kết quả: Đá sừng thạch anh-biotit (đá biến chất) có kiến trúc hạt biến tinh, cấu tạo khối rắn chắc; gồm tập hợp thạch anh (70-72%), biotit (27-28%) xen kẽ nhau và quặng (1-2%).

- Mẫu 3: ký hiệu 07GCT-HTS5(4) là mảnh vỡ công cụ (rìu-bôn?) có màu xám lục sậm, cỡ hạt mịn, quy mô 2,4 x 1,5 x 1,2cm. Kết quả: Đá sừng actinolit-tremolit-zoisit-epidot vốn là đá biến chất có kiến trúc hạt biến tinh, cấu tạo khối rắn chắc, sắc cạnh; gồm tập hợp actinolit, tremolit, zoisit-epidot (95-97%) và quặng (3-5%).

- Mẫu 4: ký hiệu 07GCT-HTS5(5)-3 là mảnh vỡ công cụ (rìu-bôn?) có màu xám, hạt mịn, quy mô 4,8x4,8x1,3cm. Kết quả: Đá sừng tremolit-biotit-thạch anh (đá biến chất) có kiến trúc hạt biến tinh, cấu tạo khối rắn chắc; gồm tập hợp tremolit (88-89%), thạch anh (6%), biotit (4%) xen kẽ nhau và quặng (1-2%).

- Mẫu 5: ký hiệu 07GCT-HTS4(6)-3 là mảnh vòng trang sức có màu xám lục sậm, cỡ hạt mịn, quy mô 4,3x1,6x1,1cm. Kết quả: Đá sừng actinolit-tremolit-zoisit-epidot- plagioclaz (đá biến chất) có kiến trúc hạt biến tinh, cấu tạo khối rắn chắc;

gồm tập hợp actinolit, tremolit, zoisit-epidot (76-77%), plagioclaz (20%) xen kẽ nhau và quặng (3-4%).

3.2. Phân tích thành phần chất liệu gốm bằng phương pháp quang phổ

Qua phân loại bước đầu chất liệu gốm, chúng tôi cũng đã chọn ra 3 mẫu gửi Trung tâm Phân tích Thí nghiệm thuộc Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Nam để phân tích quang phổ. Các mẫu có đặc điểm:

- Mẫu 1: ký hiệu 07GCT-TS5-L5 (M1) là loại gốm thô xương mỏng, miệng khum, được miết láng và bôi màu đỏ; gờ nổi ấn lõm, văn thừng.

- Mẫu 2: ký hiệu 07GCT-TS4-L6 (M2) là loại gốm thô xương dày trung bình màu xám trắng hoặc nâu đỏ nhạt, miệng loe, thành miệng dày, mỏng dần xuống cổ, ngoài thành miệng có một đường gờ để trơn.

- Mẫu 3: ký hiệu 07GCT-TS4-L6 (M3) là loại gốm kiểu Ốc Eo, xương mỏng, áo màu xám hồng hoặc nâu đỏ, được miết khá nhẵn. Thuộc loại đồ đựng thân hình cầu, thân trơn. Gốm khá đánh, chắc.

Bảng 1. Hàm lượng nguyên tố qua phân tích quang phổ mẫu gốm di tích Gò Cây Tung

Nguyên tố (%)	Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	Nguyên tố (%)	Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
Al	>10	>10	>10	Cu	0.005	0.003	0.005
Si	>10	>10	>10	Ag	0.00001	0.00001	0.00001
Mg	3	0.5	2	Pb	0.005	0.007	0.005
Ca	3	0.5	0.7	Zn	0.005	0.005	0.005
Ba	0.05	0.03	0.05	Ga	0.002	0.0015	0.002
Fe	7	5	7	Be	0.0002	0.0002	0.0002
V	0.02	0.015	0.02	Nb	0.001	0.001	0.001
Mn	0.03	0.03	0.05	Zr	0.015	0.01	0.01
Ti	0.7	0.5	0.7	P	0.2	0.3	0.3
Co	0.001		0.001	Na	1	0.07	0.1
Ni	0.002	0.002	0.003	Y	0.002	0.002	0.003
Cr	0.01	0.007	0.01	Yb	0.0002	0.0002	0.0003
Mo	0.0007	0.0005	0.0002	Se	0.0005	0.0003	0.0005
Sn	0.0005	0.0003	0.0005				

Kết quả phân tích quang phổ mẫu gốm cho thấy có sự xê dịch về lượng trong từng thành phần nguyên tố của các mẫu. Tuy nhiên, những kết quả này còn khá

khiêm tốn và mới chỉ là bước đầu, chúng tôi giới thiệu như một nguồn liệu tham khảo và hy vọng có thể đối sánh với nhiều tư liệu khác trong thời gian sắp tới.

3.3. Phân tích niên đại tuyệt đối cacbon phóng xạ C^{14}

Từ các mẫu than gỗ thu thập được trong hai hố thám sát – hố thám sát 4 và hố thám sát 5, chúng tôi đã chọn 5 mẫu (thám sát 4: 4 mẫu; thám sát 5: 1 mẫu) gửi Trung tâm Hạt nhân Thành phố Hồ Chí Minh phân tích niên đại tuyệt đối bằng phương pháp cacbon phóng xạ C^{14} . Kết quả đạt chuẩn ở 2 mẫu. Mẫu 07GCT-TS4-T2 (HCM 01/07) ở độ sâu 1m trong hố thám sát 4 cho chỉ số khá muộn: $900 \pm 45BP$ ($=1.050 \pm 45AD$); còn mẫu 07GCT-TS5-T5 (HCM 02/07) lấy ở độ sâu 0,75m trong hố thám sát 5 cho chỉ số khá sớm: $2.960 \pm 80BP$ ($1.010 \pm 80BC$). Kết quả này chúng tôi cho rằng phù hợp với những đoán định niên đại tương đối qua phân tích loại hình học của chúng tôi trước đó.

3.4. Phân tích bào tử phấn hoa

Chúng tôi đã chọn 23 mẫu đất theo địa tầng (từ dưới lên) trong 3 mặt cắt của di chỉ Gò Cây Tung gửi các phòng thí nghiệm ở Hà Nội để phân tích (Viện Địa chất và Khoáng sản; Viện Khảo cổ học), đến nay đã có kết quả. Trong 23 mẫu này, có 11 mẫu ở mặt cắt ký hiệu 07GCT-TS4; 9 mẫu ở mặt cắt ký hiệu 07GCT-TS5 nằm trên sườn gò và 3 mẫu ở mặt cắt ký hiệu 07GCT-TS2 nằm trên cánh đồng gần gò.

Theo nhận xét của ThS Nguyễn Thị Mai Hương (Viện Khảo cổ học), bào tử phấn hoa trong các mặt cắt này đều rất gần gũi với các phức hệ phấn hoa hiện đại. Về cơ bản, các mặt cắt chứa mẫu đất nghèo nàn về bào tử phấn hoa (ngoại trừ mẫu 3 - mặt cắt ký hiệu: 07GCT-TS2 ; mẫu 11 - mặt cắt ký hiệu: 07GCT-TS4). Các nhóm mẫu đều không có bào tử phấn hoa của thực vật ngập mặn và các trầm tích chứa chúng được lắng đọng trong môi trường nước ngọt (các mẫu 2 và 3 của mặt cắt 07GCT-TS2 đều gặp tảo nước ngọt; một số mẫu của mặt cắt 07GCT-TS4 đều gặp tảo nước ngọt *Aulocosira*; vài mẫu của mặt cắt 07GCT-TS5 gặp các hạt thuộc họ Poaceae, Compositae là thực vật thân thảo và thực vật nước ngọt), với đa số là thực vật thân bụi, thân thảo và rất ít thực vật thân gỗ.

3.5. Kết quả giám định cổ nhân học qua nghiên cứu hình thái răng

Từ những mẫu răng người thu thập được trong các mộ đất ở hố thám sát 5 (07GCT-TS5-M1-3), chúng tôi đã gửi Phòng Môi trường và Con người cổ (Viện Khảo cổ học Việt Nam) để giám định nhân chủng. Bằng phương pháp nghiên cứu nhân học qua hình thái răng người cổ, nhà nghiên cứu Nguyễn Kim Thủy cho biết kết quả giám định như sau:

a. Mộ 1 (07GCT-TS5-M1) gồm có 10 răng rời, 4 mảnh răng và chân răng bị vỡ (túi ký hiệu: 07.GCT.TS5.L4); trong đó có 2 răng hàm trên (M3 bên phải và M1 bên trái) và 8 chiếc ở hàm dưới (C P1 M1 M2 M3 bên trái và P1 P2 M3 bên phải). Răng có LEH. Các răng hàm và tiền hàm bị mòn nhiều. Dựa vào công thức phân biệt giới tính xác định được đây là di cốt nữ và dựa vào độ mòn của răng xác định di cốt lớn hơn mức 45 - 55 tuổi.

b. Mộ 3 (07GCT-TS5-M3) (túi ký hiệu: 07.GCT.TS5.L5.M3, còn 27 chiếc) gồm răng của hàm trên và răng của hàm dưới của 1 người với sơ đồ răng như sau:

+ Hàm trên: I2 C P1 P2 M1 M2 M3 bên phải

I1 C P1 P2 M2 M3 bên trái

I2 rụng trước khi chết vì vậy lỗ chân răng liền lại.

+ Hàm dưới: I1 C P1 P2 M1 M2 M3 bên trái

I1 I2 C P1 P2 M1 M3 bên phải

Đặc điểm: Răng to, chắc khoẻ. Răng cửa hàm trên hình xẻng. Dựa vào công thức phân biệt giới tính qua răng nanh và hình thái răng, xác định đây là bộ răng của nam giới. Dựa vào sơ đồ mọc răng và độ mòn của răng thì di cốt người khoảng 25 - 35 tuổi.

c. Nhận định chung:

- Giới tính và tuổi:

+ Di cốt mộ 1 (07GCT-TS5-M1) là nữ, khoảng 45 - 55 tuổi.

+ Di cốt mộ 3 (07GCT-TS5-M3) là nam, khoảng 25 - 35 tuổi.

- Bệnh lý:

+ Di cốt mộ 3 (07GCT-TS5-M3): bị sâu răng, có cao răng.

+ Cả 2 di cốt mộ 1 và mộ 3 đều bị bệnh giảm thiểu men răng (LEH). Điều này chứng tỏ thời kỳ mà 2 di cốt người cổ Gò Cây Tung sống rất khó khăn hoặc bản thân các di cốt này bị streest nào đó.

- Chứng tộc:

Những đặc điểm hình thái nhân chủng thu được từ răng của các di cốt người Gò Cây Tung từ đợt thám sát 2007 rất ít ỏi, răng bị mòn nhiều nên không thể nghiên cứu các nướu, các rãnh hoặc các đặc điểm thể hiện chủng tộc. Duy nhất có răng cửa thứ nhất hàm trên bên trái I1 thấy được răng cửa hình xẻng. Từ những kết quả còn khá khiêm tốn, các nhà nghiên cứu chỉ có thể nhận định rằng “di cốt người cổ Gò Cây Tung mang những đặc điểm của người Môngôlôit mà thôi”.

4. Thay lời kết

1. Những quần thể di tích văn hoá tồn tại trước Óc Eo (thế kỷ II - VII sau CN) là một thực thể - một “hiện tượng lịch sử” vững bền và dài lâu nhiều thế kỷ, thậm chí - như kết quả khai đào và nghiên cứu mới nhất từ Gò Cây Tung đem lại, dài đến hàng thiên kỷ; mà hiện biết cũng là “trầm tích văn hoá” nguyên thủy đáng giá nhất đồng bằng châu thổ sông Cửu Long bên cạnh cột địa tầng Lộc Giang - vùng “bản lề” miệt cao và miệt thấp Nam Bộ (Việt Nam) bên bờ sông Vàm Cỏ. Trong quan niệm hiện hành của chúng tôi - đó cũng chính là không gian văn hoá “Tiền Óc Eo” đích thực. Nhưng từ những thực thể “Tiền Óc Eo” hiện biết ấy, những con đường nào “trực chỉ” hình thành nên phức hệ văn hoá cổ sử lộng lẫy Óc Eo như các đường huyết mạch “nội sinh”?

Đó có phải là vùng Cần Giơ với một loạt di tích trên các giồng (Giồng Phệt, Giồng Cá Vồ, Bao Đồng, Núi Đất,...) - “một loại hình văn hoá Óc Eo” vùng hệ sinh thái rừng ngập mặn duyên hải Đông Nam Bộ? Hay đó là các thực thể văn hoá “Tiền Óc Eo” ở “Tiểu vùng Gò Cây Tung” với “niên đại kéo dài từ Tiền Óc Eo và các đặc trưng có thể nhận thấy rõ đây là một tuyến phát triển lên Óc Eo”; hoặc ở vùng đất xám bản lề Đông - Tây Nam Bộ, với Gò Cao Su - Gò Ô Chùa - Cổ Sơn Tự - “một hệ thống văn hoá Tiền Óc Eo” phát triển mạnh ở sơ kỳ thời đại Sắt “trên cơ sở truyền thống An Sơn - Rạch Núi - Lộc Giang, tuy có giao lưu mạnh mẽ với các văn hoá thời đại đồ Sắt và là một ngã đường tiếp thu và phát triển văn hoá Óc Eo sau đó”¹³, với “quá trình chuyển tiếp Tiền Óc Eo lên Óc Eo ở Nam Bộ” trong trầm tích Gò Ô Chùa¹⁴, hay “những tuyến phát triển ở lưu vực sông Vàm Cỏ: phía Vàm Cỏ Đông có Lộc Giang, Rạch Heo, Gò Cao Su, Gò Xoài (Hựu Thạnh); phía Vàm Cỏ Tây có Rạch Rừng, Cổ Sơn Tự, Lò Gạch, Gò Ô Chùa, Giồng Dung, Gò Đế, Gò Hàng (thuộc vùng Đồng Tháp Mười - Long An)”¹⁵ và ở vùng đất giồng cù lao “Xứ dừa Bến Tre” - “một ngã đường phát triển để hình thành và nền văn hoá Óc Eo ở đồng bằng sông Cửu Long”¹⁶, với cả nền “Văn hoá Giồng Nổi”¹⁷ - “một nhánh quan trọng, cùng với các nhánh khác ở miền Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ chảy và hợp nguồn phức hệ văn hoá Óc Eo”¹⁸ ...

Những “con đường trực chỉ Óc Eo” như vậy trên đường nét căn bản đã được GS Hà Văn Tấn đề cập ngay từ năm 1996 để đưa đến nhận định: “Văn hoá Óc Eo được hình thành từ những văn hoá Tiền Óc Eo khác nhau. Nói cách khác, văn hoá Óc Eo là hội tụ từ sự phát triển văn hoá đa tuyến... Chúng ta đã có thể tin rằng văn hoá Óc Eo có nguồn gốc bản địa”,... Vì vậy, có thể nói rằng chúng ta đang có cơ may tìm được nguồn gốc một nền văn minh: “Văn hoá Óc Eo”¹⁹.

2. Những tư liệu khai quật mới về chính bản thân các ngôi mộ đất Gò Cây Tung năm 2007, dù bị huỷ hoại khá nặng, vẫn góp thêm nhiều tư liệu mới cho công cuộc nghiên cứu - bảo tồn di sản văn hoá Tiền sử - Sơ sử và Cổ sử ở địa bàn quan trọng này. Đáng lưu ý nhất qua các hố đào phần di chỉ cư trú trên Gò Cây

Tung chính là dấu tích 3 ngôi mộ huyết đất có thể liên quan đến tục rải gốm truyền thống và cả tục chôn theo động vật nhỏ nằm chính trong trầm tích kèm theo gốm Tiên sử và vật phẩm tùy táng nguyên bản cuộc có thân “hình trụ tròn” - những bằng chứng Tiên sử xác thực của chủ nhân đầu tiên thuộc di chỉ này từ hàng thiên niên kỷ trước, khi những cộng đồng dân cư thời Cổ sử biến đình Gò này thành đài điện Hindu giáo.

Điều đáng nói nhất là kiểu mộ huyết đất rải gốm này rất quen thuộc trong văn hoá Tiên sử Đồng Nai, với công cụ đá chôn kèm theo người chết còn nhân cốt mới đây vừa khai quật được ở nghĩa địa An Sơn (Long An). Đương nhiên, chiếc cuộc đá có thân “hình trụ tròn” rất hiếm có ở Việt Nam nhưng được coi là kiểu hình đặc trưng của bộ công cụ đá vùng hải đảo Đông Nam Á cùng với “bôn có mỏ” (các loại 3 - 5 theo R. Duff)²⁰. Chúng còn có ở di tích Đá mới Wuyuerhe Bridge, vùng Yí'an, tỉnh Hắc Long Giang (tiêu bản quy mô 15,8 x 4,5cm)²¹.

Điều thú vị là tiêu bản Gò Cây Tung được làm tại chỗ, với nhiều phác - phế vật cùng chất liệu, kiểu dáng và kích cỡ thu ngay trong các hố đào năm nay và các hố khai quật năm 1994 - 1995. Như vậy, với các tài liệu ít ỏi về thời nguyên thủy nơi đây, chúng ta chỉ có thể nhận thức trên đại cương rằng: Loại hình di tích căn bản thời xưa nhất hiện biết về hoạt động của con người trên đất An Giang là di chỉ cư trú và mộ táng.

Ngoại trừ các di tồn cho biết dấu hiệu của các hoạt động cư trú và sinh sống như vậy ở những đồ đá cổ thu thập lẻ tẻ trong các điểm thuộc địa phận thấp trũng của An Giang, cấu trúc “làng cổ” ở đây khác biệt hẳn với quần thể di chỉ nổi tiếng thời đại Kim khí Nam Đông Dương thuộc loại hình di tích cồn sò điệp ở vùng Biển Hồ Samrong Sen. Chúng gợi lại hình ảnh quen thuộc của các “làng - xưởng” (*Workshop-sites*) ở “miệt cao” Nam Bộ, cư trú trên gò đồi và, ở giai đoạn muộn hơn về sau, biến một phần đồi thành nơi mai táng người đã khuất, hệt như các di tồn mà khảo cổ học từng khai quật khá nhiều ở An Sơn, Lộc Giang, Dốc Chùa ...

3. Các bộ di hài ở Gò Cây Tung nhận diện qua các đợt khai quật - thám sát, theo quan điểm của chúng tôi, đều có cùng tư duy mai táng, kết cấu mộ đất cổ truyền ở Nam Bộ, với các dẫn liệu ở vài ngôi có khả năng là kiểu mộ kè gốm “kiểu Dốc Chùa” thời hậu kỳ Đồng - sơ kỳ Sắt, nhưng với lối cúng tế có chôn kèm động vật (chân giò, thủ heo, nguyên hay từng phần sọ và chi thú nhỏ v.v...) và các đồ tùy táng bằng đá (cuộc thân hình trụ tròn, nồi gốm thô); đặc biệt là các đồ trang sức bằng xương thú (vòng cổ, vòng tay và hạt chuỗi), liên tưởng đến một nghĩa địa thời kỳ lịch sử muộn hơn di tồn văn hoá cư trú thời nguyên thủy có thể thuộc vào những thế kỷ gần Công nguyên nhất, tương đương với các hài cốt ở Giồng Nổi (Bến Tre) và Gò Ô Chùa (Long An)²².

Một số mộ đất chứa di hài khá nguyên vẹn được các nhà khai quật xử lý ở dưới nền phế tích kiến trúc được chính họ đoán định thuộc giai đoạn “sau Óc Eo” đến tận thế kỷ IX-X sau CN thì rất cần xem xét lại²³. Những ngôi mộ này đã được

PGS.TS Nguyễn Lân Cường và Nguyễn Kim Thuỷ nghiên cứu và giám định rằng: “đây là những di cốt người cổ”, có đặc điểm nhân chủng “rất gần gũi với các sọ của cư dân Thái Lan, Việt và cư dân Đông Sơn cổ (nhóm loại hình Đông Nam Á), nhưng khác biệt hẳn với người Thượng và người Khmer”²⁴. Những nhận định lớn của các nhà nhân học này cũng tương đồng với các răng cổ mà chúng tôi thu thập được năm 2007 trong 07GCT-HTS5-M1-3 ở Gò Cây Tung.

Đương nhiên, những di tồn thời Tiền sử - Sơ sử ở An Giang và cả miền Tây sông Hậu hiện còn quá ít và sự kết gấn của chúng không chỉ với phức hệ văn hoá nguyên thủy ở “miệt cao” mà cả với phức hệ văn hoá cổ sử Nam Bộ cũng rất rời rạc (Ví như, sưu tập công cụ đá như rìu-bôn và đục tứ giác và có vai Gò Cây Tung và Trà Cột có thể đối sánh với chính sưu tập rìu-bôn khu Ốc Eo - Ba Thê - Núi Sập và với đồ đá miền Đông Nam Bộ; loại chân đế choãi vát gồm thô Gò Cây Tung có ở Gò Cao Su và Cạnh Đền; kiểu trang trí khắc vạch hoa văn hình chữ V lồng ngược chiều nhau trên vành miệng và thân gốm Gò Cây Tung giống với Gò Cao Su, Gò Ô Chùa, Giồng Nổi, Giồng Cá Vồ; vòng đeo tay có thiết diện bản hình tam giác Gò Cây Tung giống với sưu tập vòng Gò Ô Chùa và nhiều di chỉ văn hoá Đồng Nai và với cả vòng đá Ốc Eo; các loại hình miệng loe có gờ đắp cao và “nồi nấu kim loại”, khuyên tai hình con đĩa bằng thiếc đặc trưng Gò Cây Tung có thể tìm thấy đồng loại trong các sưu tập cổ vật đặc trưng Ốc Eo; hoặc giả không ít loại nham thạch phải nhập khẩu về đây nhiều khả năng là từ Nam Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ.

Theo các nhà khai quật đầu tiên ở Gò Cây Tung, sự có mặt của nhóm công cụ rìu mài ghi nhận niên đại sớm nhất của di chỉ cư trú ở Gò Cây Tung vào khoảng thế kỷ V - IV tr.CN kéo dài đến tận thế kỷ IV - V sau CN, với “nhiều đặc điểm riêng so với các di chỉ khác ở khu vực Nam Bộ”, với cả loại “bôn có mỏ” mang yếu tố văn hoá hải đảo và cả “hệ thống gốm dường như chưa được thấy ở bất cứ di chỉ nào khác”²⁵. Chúng tôi cũng đồng tình với nhận xét này và, với phát hiện mới trong mộ đất nghĩa địa Gò Cây Tung có “tuỳ táng” lưỡi cuốc đá thân tròn chưa hề thấy có, không chỉ ở miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên mà cả ở đất liền Đông Nam Á, lại chính là “loại hình công cụ phổ biến ở Malaysia và Java, vùng người nói tiếng Nam Đảo”. Chúng tôi cũng vững tin rằng “các văn hoá Tiền Ốc Eo, và do đó cả văn hoá Ốc Eo, là của những người nói tiếng Nam Đảo”²⁶. Chúng tôi hoài nghi về khả năng “Tiểu vùng Gò Cây Tung dường như có vẻ “lạc hậu” so với các vùng xung quanh khi mà các thế kỷ sau CN họ vẫn dùng công cụ đá; các di vật “sang trọng” ở các vùng xung quanh như đồ vàng, đồ đồng, các pho tượng nghệ thuật dường như hoàn toàn vắng bóng”²⁷; cũng như không tin “Gò Ô Chùa không có những đặc trưng tiêu biểu nhất của văn hoá Ốc Eo, như những di vật cho thấy ảnh hưởng về tôn giáo Ấn Độ, tượng Shiva, Vishnu, tượng Phật, Linga và Yoni, di vật bằng vàng, tiền tệ... Bởi vậy, Gò Ô Chùa trong một chừng mực nào đó đã có mối liên hệ với văn hoá Ốc Eo, nhưng sự liên hệ này không mấy chặt chẽ, và Gò Ô Chùa có con đường đi riêng của nó bên cạnh Tiền Ốc Eo và Ốc Eo để rồi nó cùng các di

tích đồng đại ở khu vực thượng lưu hệ thống sông Đồng Nai và sông Vàm Cỏ tạo thành 1 trong 3 hệ thống các văn hoá cổ có niên đại sơ kỳ Sắt chuyển lên thời kỳ Lịch sử Nam Bộ vào khoảng nửa sau Thiên kỷ I tr.CN đến Thiên kỷ I CN”²⁸.

4. Trong tình hình hiểu biết khảo cổ học hiện tại, những minh chứng địa tầng kiểu Gò Cây Tung, Giồng Nổi, Gò Ô Chùa, Lộc Giang hiện biết cho phép chúng ta hình dung về những tồn tích tiền sử - sơ sử “tiền sinh” chính trong lòng các địa tầng của Phức hệ văn hoá Óc Eo ở đồng bằng sông Cửu Long. Sự hiện diện của các chứng tích “tiền sinh” này góp phần minh định nguồn gốc “đa tuyến” của cả Phức hệ văn hoá cổ sử Óc Eo mà Đồng Nai là một hướng quan trọng, với các “tiền mẫu” sẵn có trong nhiều sưu tập văn hoá Tiền sử - Sơ sử Đông Nam Bộ; bên cạnh nhiều hướng khác - ví như, sự có mặt của “bôn có mỏ”, cuốc thân tròn, đồ xương - sừng - ngà và mai rùa ... trong các địa tầng Gò Cây Tung, Gò Ô Chùa, Giồng Nổi, An Sơn..., gợi mở nhiều hơn về “thế giới hải đảo” Đông Nam Á.

Từ các hệ thống dẫn liệu thám sát - khai quật các năm 1993 - 1995 của Viện Khảo cổ học Việt Nam và các hố đào kiểm tra của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007, có thể vững tin rằng di tích Gò Cây Tung, cả trên bề mặt gò và vùng đồng trũng xung quanh nó tiềm ẩn dấu tích hoạt động cư trú - lao động và sinh hoạt tinh thần của nhiều thế hệ người trong khoảng hai thiên kỷ trước và sau Công nguyên.

Nhóm công cụ rìu mài này, qua so sánh với loại hình rìu tìm thấy ở miền Nam Thái Lan và Mã Lai, nhất là với loại “bôn có mỏ” có thể có niên đại hậu kỳ Đá mới hay sơ kỳ thời đại Kim khí. Hai mẫu than phân tích niên đại C¹⁴ tại Khoa Khảo cổ học, Đại học Tự nhiên Australia cho kết quả rất cổ: Mẫu 95GCT-H1 (sâu 2,77m): $2870 \pm 60\text{BP} = 920 \pm 60\text{BC}$; Mẫu 95GCT-H2 (sâu 1,60m): $2750 \pm 60\text{BP} = 800 \pm 60\text{BC}$ [25]. Hai mẫu than phân tích năm 2007 tại Phòng Thí nghiệm Trung tâm Hạt nhân Thành phố Hồ Chí Minh thì 1 mẫu (ký hiệu 07GCT-TS5-T5 - HCM 02/07, độ sâu 0,75m) cũng cho kết quả lên đến $2960 \pm 80\text{BP} = 1010 \pm 80\text{BC}$.

Với các phát hiện địa tầng chuẩn “tiền Óc Eo” chứa cổ vật đá ở miền Tây Nam Bộ, chúng ta vẫn cần suy ngẫm về khung niên biểu tuyệt đối mà C¹⁴ đã cung ứng cho kết quả rất “già” ở không ít di tích đặc trưng văn hoá Óc Eo, ví như: các mẫu C¹⁴ ở di chỉ Gò Minh Sư - Gò Tháp (GT84-MS: $2480 \pm 40\text{BP} = 530\text{BC}$; GT84TS2M2-01: $2350 \pm 40\text{BP} = 400\text{BC}$; GT84TS2M2-02: $2250 \pm 40\text{BP} = 300\text{BC}$); ở Gò Da - Óc Eo (OE83GDTS1-01: $2120 \pm 40\text{BP} = 170\text{BC}$), ở Gò Hàng (85GH-G-01: $1970 \pm 50\text{BP} = 20\text{BC}$)²⁹.

Một số địa tầng có “lẫn” cổ vật đá tiền sử như ở Gò Óc Eo, Gò Cây Trôm, Núi Sập, Gò Minh Sư - Gò Tháp...; hoặc thực “chứa” cổ vật đá như Nhơn Thành, Giồng Nổi, sự phân lập trắc diện giữa di vật đá tiền sử và cổ sử vẫn không thật rõ ràng vì còn mỏng (8 - 54cm ở Giồng Nổi), hoặc có khả năng xáo trộn (như địa tầng sinh lầy ở Nhơn Thành - Hậu Giang. Ở các hố đào Gò Minh Sư - Gò Tháp có rìu đá, di chỉ cư trú lẫn cả mộ táng vò chứa than tro trong cùng tầng văn hoá khá sâu tới 1 - 2,2m

nhưng có chỗ xáo trộn tới 0,4 - 0,6m). Các địa tầng chứa di tồn đá - gồm cả thời tiền sử và cả thời văn hoá Óc Eo như Gò Minh Sư - Gò Tháp, Nhơn Thành và Giồng Nổi không hề hiếm ở miền Đông Nam Bộ (rìu bên đá ở Cây Gáo - Đồng Nai, ở Cát Tiên - Lâm Đồng v.v...), đặc biệt ở vùng “bản lề” bên kia bờ Vàm Cỏ như: An Sơn (C^{14} : 78ASH2.3/1 (sâu 3,4m): $2775 \pm 50BP = 825BC$; 78ASH2.3/2, (sâu 3,4m): $2855 \pm 60BP = 905BC$; 97ASH1L3B2 (sâu 3,5-3,7m): $3820 \pm 70BP = 1870BC$; 97ASH1B3L2-17 (sâu 2,5-4m): $3370 \pm 80BP = 1420BC$), Đồng Canh Nông, Lộc Chánh, Gò Cao Su (C^{14} : 94GCSTS01-H1L3 (sâu 0,5m): $2650 \pm 70BP = 700BC$; 94GCSTS03-H1L10 (sâu 1,15m): $3370 \pm 80BP = 1420BC$); Gò Ô Chùa (C^{14} : 97GOCHIL11-B1 (sâu 1,5m): $2420 \pm 70BP = 470BC$), Lộc Giang (C^{14} : LG93-TO1-HI-L14 (sâu 2,25m): $3950 \pm 75BP = 2000BC$; LG93-TO2-HII-L5 (sâu 0,8m): $1490 \pm 50BP = 460AD$ ³⁰). Những minh chứng địa tầng kiểu này cho phép chúng ta hình dung về những tồn tích tiền sử - sơ sử “tiền sinh” chính trong lòng các địa tầng của phức hệ văn hoá Óc Eo ở An Giang nói riêng và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long nói chung.

Sưu tập đá (mới chỉ tìm thấy 1 bên “có mỏ” và 1 cuốc có mặt cắt thân tròn trong mộ đất 07GCT-TS5-M3) và cả phức hệ gồm Gò Cây Tung, theo chúng tôi, mang đặc trưng lớn hơn của vùng - miền văn hoá lục địa ở cuối nguồn dòng Mêkông thời tiền sử và Sơ sử, với nhiều nét gần gũi hơn không chỉ ở vùng Biển Hồ (Samrôn Sen) mà cả ở “miệt cao” của Nam Bộ - Nam Tây Nguyên nữa. Ở đây, để kết lại những dấu tích sinh hoạt tiền sử - sơ sử Gò Cây Tung, nhân bàn về sự hiện diện cổ vật đá nguyên thủy ở miền Tây Nam Bộ xưa nay, chúng tôi chỉ muốn bày tỏ ghi nhận về các “giá trị địa tầng” vừa được khảo cổ học khám phá ở Gò Cây Tung (An Giang), Gò Minh Sư - Gò Tháp, Nhơn Thành (Hậu Giang) và Giồng Nổi (Bến Tre) - những giá trị đích thực “nội sinh” và đích thực “tiền Óc Eo” chứ không hẳn đơn giản chỉ là “những tàn dư đá mới” được bảo lưu lâu dài ở cư dân thời Óc Eo và những địa tầng chứa chúng hoàn toàn không phải là các tiểu vùng “lạc hậu” như có học giả từng đề xuất.

5. Từ di tích Gò Cây Tung, chúng tôi chỉ đơn giản muốn nhìn lại “giá trị khoa học đích thực” của di tồn đá nguyên thủy, góp phần minh định giả thuyết của GS Hà Văn Tấn - người cũng đã quan tâm đến sự có mặt của cổ vật đá (và cả gốm cổ) trong lòng văn hoá Óc Eo ngay từ 1984, rằng:

“...Thành thị Óc Eo không phải mọc lên trên một vùng hoang vắng không dân cư, mà khu vực này đã là một điểm tụ cư từ rất sớm, ít ra là từ hậu kỳ Đá mới hay sơ kỳ thời đại Kim khí. Những chiếc rìu hay bôn bằng đá, có vai hoặc tứ giác, tìm thấy ở Óc Eo và các địa điểm như Đá Nổi, Núi Sập đã cho ta biết điều đó. L. Malleret có nhắc đến di chỉ Giồng Đá mà ông cho là có gốm rất cổ, có thể liên hệ với gốm Cù Lao Rùa...”

Với những di vật đá mà L. Malleret đã trình bày, cũng đủ để nghĩ rằng văn minh thành thị Óc Eo đầu đã xuất hiện như một bước nhảy vọt thì cơ bản vẫn là sự tiếp nối các bước phát triển văn hoá đã có từ rất sớm ở khu vực này. Rất có thể,

nền văn hoá sơ kỳ thời đại Kim khí, với sự xuất hiện của luyện kim, đã chuẩn bị cho bước nhảy vọt đô thị hoá này,...

Trên một vùng dân cư đã tập trung từ cuối thời Đá mới hay sơ kỳ thời đại Kim khí, được nuôi dưỡng bằng phù sa sông Hậu và được kích thích bằng sự ra đời của luyện kim, sức sản xuất đã có điều kiện để phát triển nhanh chóng, các cuộc phân công lao động được đẩy mạnh, Óc Eo dần dần xuất hiện như một trung tâm kinh tế - văn hoá của đồng bằng Cửu Long. Rồi với vị trí quan trọng trên đường giao thông biển ở khu vực Đông Nam Á, Óc Eo đã trở thành nơi tập trung thợ thủ công và thương nhân, nghĩa là có đủ điều kiện để thành thị hoá³¹.

Nền “văn minh đô thị” Óc Eo xuất lộ như nền tảng “văn hoá vật chất của vương quốc Phù Nam”³² nơi hạ nguồn châu thổ Mêkông, “vang bóng một thời” như một “trung tâm liên thế giới Phù Nam”³³ và rực sáng nhiều thế kỷ sau Công lịch chính nhờ được “nuôi dưỡng bằng phù sa sông Hậu” và trước đó, bằng phù sa nhiều dòng sông nữa “nội sinh” chính “trên mảnh đất này”³⁴.

PHỤ LỤC

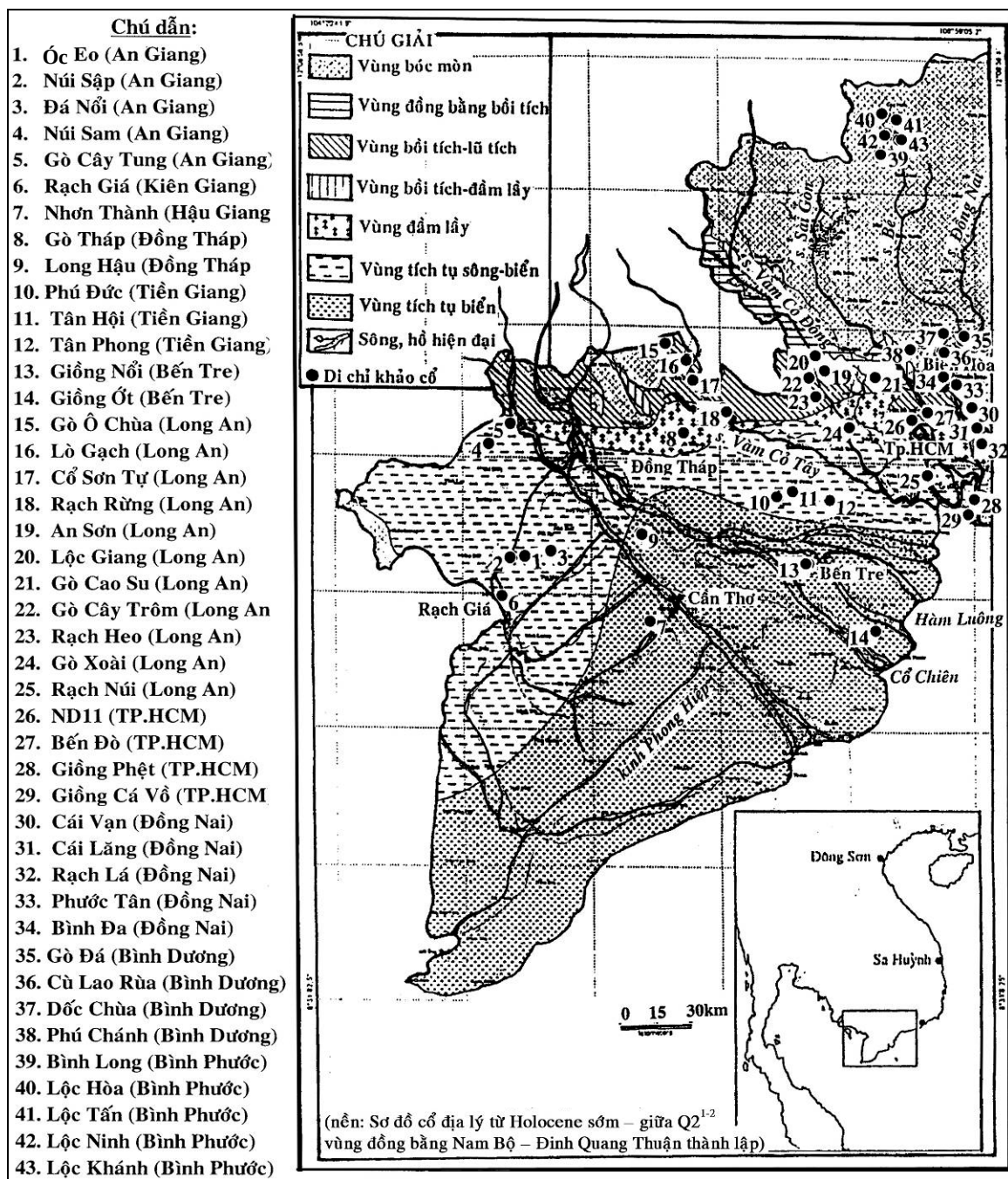
Bảng 2. Kết quả phân tích niên đại tuyệt đối (C^{14}) di tích Gò Cây Tung

TT	Ký hiệu mẫu	Loại mẫu	Độ sâu (m)	Niên đại	Nơi phân tích	Ghi chú (Nguồn)
1	95GCT-H1	Than	2,77	2.870±60 BP = 920±60BC	Khoa Khảo cổ, Đại học Tự nhiên Australia	[25]
2	95GCT-H2	Than	1,60	2.750±60 BP = 800±60BC	Khoa Khảo cổ, Đại học Tự nhiên Australia	
3	07-GCT-TS4-T2	Than gỗ	1	900±45BP = 1.050±45AD	Trung tâm Hạt nhân Thành phố Hồ Chí Minh	[16]
4	07-GCT-TS5-T5	Than gỗ	0,75	2.960±80 BP = 1.010±80BC	Trung tâm Hạt nhân Thành phố Hồ Chí Minh	

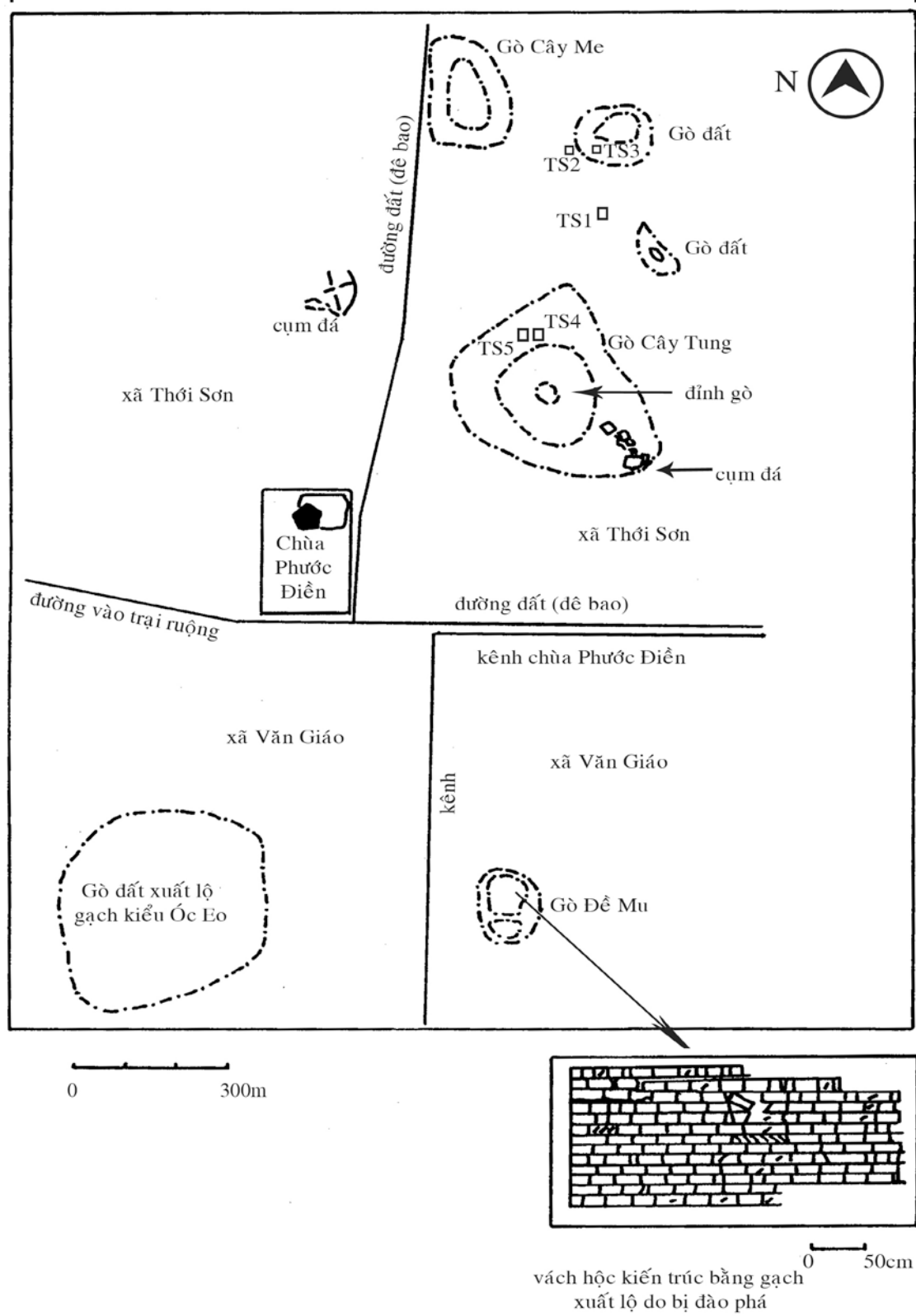
Bảng 3. Kết quả phân tích thạch học di vật đá Gò Cây Tung (2007)

TT	Di vật	Tên đá	Tính chất chung	Thành phần cơ bản
----	--------	--------	-----------------	-------------------

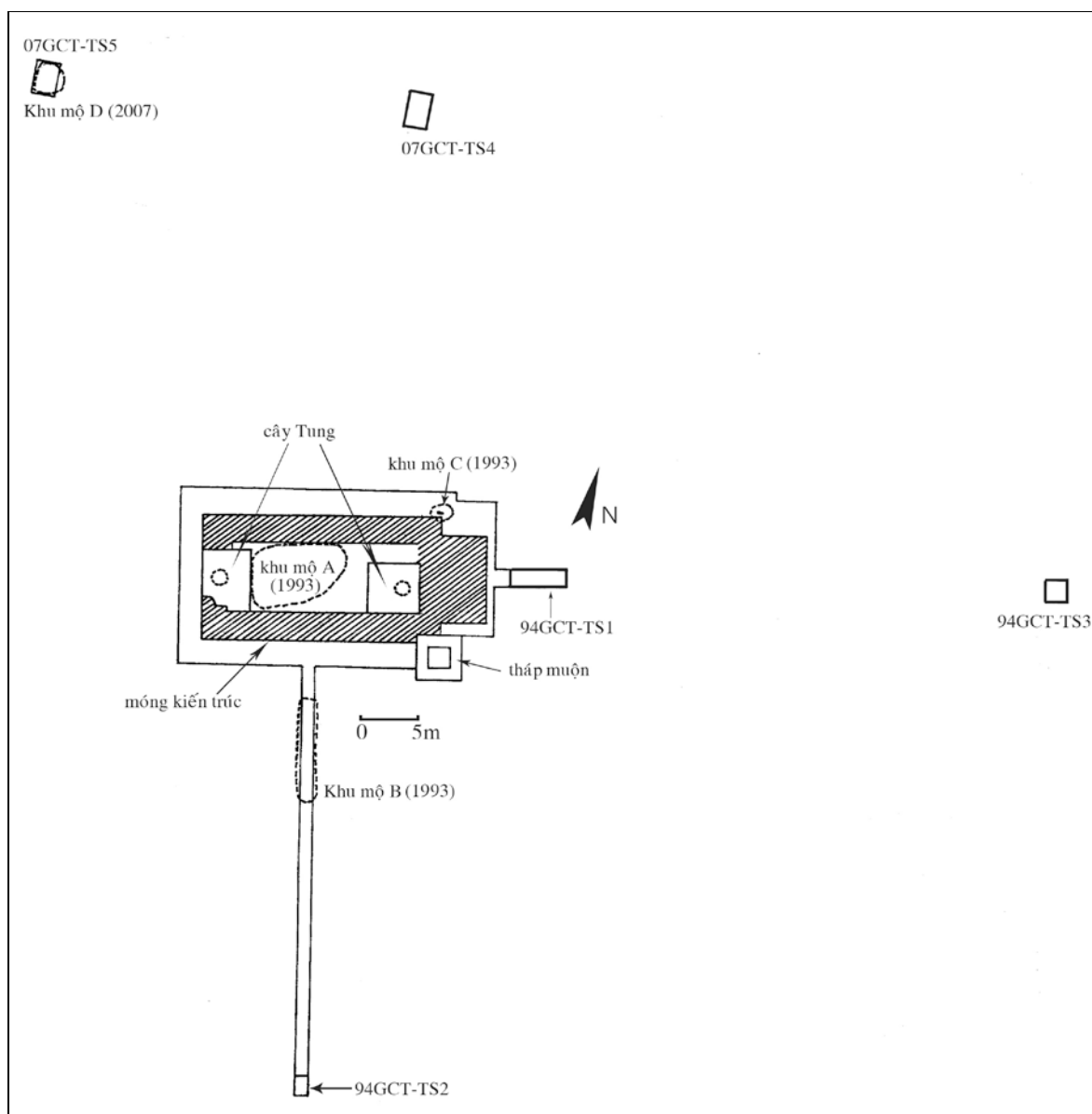
	Ký hiệu	Loại hình		Kiến trúc	Cấu tạo	
1	07GCT-HTS4(6)3	Mảnh vòng	Đá sừng actinolit - tremolit - zoisit - epidot – plagioclas	Hạt biến tinh	Khối	- Actinolit, tremolit, zoisit-epidot: 76-77% - Plagioclas: 20% - Quặng: 3-4%
2	07GCT-HTS4(6)8	Phế vật riu - bôn	Đá sừng actinolit - tremolit - zoisit - epidot	Hạt biến tinh	Khối	- Actinolit, tremolit, zoisit-epidot: 94-96% - Plagioclas: 1% - Quặng: 3-5%
3	07GCT-HTS5(3)16	Phế vật riu - bôn	Đá sừng thạch anh – biotit	Hạt biến tinh	Khối	- Thạch anh: 70-72% - Biotit: 27-28% - Quặng: 1-2%
4	07GCT-HTS5(4)	Phế vật riu - bôn	Đá sừng actinolit - tremolit - zoisit - epidot	Hạt biến tinh	Khối	- Actinolit, tremolit, zoisit-epidot: 95-97% - Quặng: 3-5%
5	07GCT-HTS5(5)-M3	Phế vật riu - bôn	Đá sừng tremolit - biotit - thạch anh	Hạt biến tinh	Khối	- Tremolit: 88-89% - Thạch anh: 6% - Biotit: 4% - Quặng: 1-2%



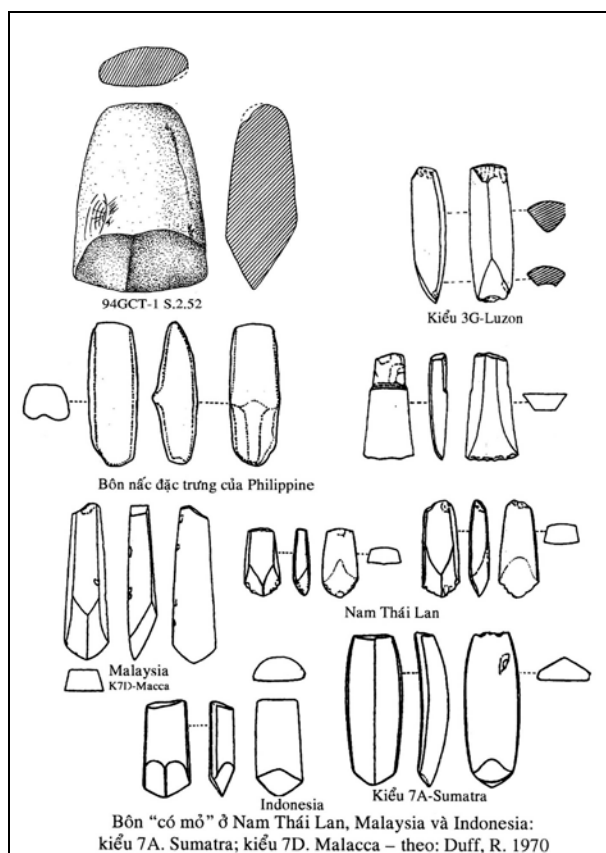
Hình 1. Sơ đồ địa điểm chứa cổ vật đá ở Nam Bộ (Việt Nam)



Hình 2. Sơ đồ vị trí các hố thám sát di tích Gò Cây Tung năm 2007



Hình 3. Sơ đồ phục dựng vị trí các khu mộ táng di tích Gò Cây Tung qua các đợt thám sát, khai quật.



Hình 4. Bốn “có mủ” ở Gò Cây Tung (An Giang) (a) và ở Đông Nam Á hải đảo (b) (Duff, R. 1970).



Hình 5. Cuốc đá thân tròn tùy táng mộ đất 07GCT-TS5-M3.



Hình 6. a) Cuốc thân trụ tròn ở Gò Cây Tung (An Giang) (b) và cuốc Hắc Long Giang (Trung Quốc) (c), Đông Nam Á hải đảo.

CHÚ THÍCH

- ¹ Nguyễn Đức Lưu - Bùi Phát Diệm - Vương Thu Hồng, *Phát hiện di chỉ khảo cổ học Trà Cột* (xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang), *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1991*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992, tr.102-103; Lê Xuân Diệm - Đào Linh Côn - Võ Sỹ Khải, *Văn hoá Óc Eo, những khám phá mới*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 1995, tr.38.
- ² Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí, "Phế tích kiến trúc Gò Cây Tung (An Giang) qua đợt khai quật lần thứ nhất", tạp chí *Khảo cổ học*, số 2, Hà Nội, 1995, tr.68.
- ³ Nguyễn Đức Lưu - Bùi Phát Diệm - Vương Thu Hồng, *Phát hiện di chỉ khảo cổ học Trà Cột* (xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang), *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1991*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992, tr.102-103; Lê Xuân Diệm - Đào Linh Côn - Võ Sỹ Khải, *Văn hoá Óc Eo, những khám phá mới*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995, tr.3.

- ⁴ Tổng Trung Tín - Bùi Minh Trí - *Khai quật di tích Gò Cây Tung, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang* (lần thứ nhất), Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội, 1994, tr.1-5; Tổng Trung Tín - Bùi Minh Trí - Nguyễn Minh Sang, *Khai quật di tích Gò Cây Tung (An Giang) lần thứ nhất, Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1994*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995, tr.419-422; Tổng Trung Tín - Bùi Minh Trí - Nguyễn Minh Sang, *Khai quật địa điểm Gò Cây Tung (An Giang) lần thứ hai, Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1995*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tr.233-234.
- ⁵ Tổng Trung Tín - Bùi Minh Trí, *Khai quật di tích Gò Cây Tung, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang* (lần thứ nhất), sđd, tr.50-56.
- ⁶ Đoàn công tác gồm có: PGS.TS Phạm Đức Mạnh (Giám đốc Bảo tàng; Trưởng Bộ môn Bảo tàng học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng đoàn), Đỗ Ngọc Chiến, Nguyễn Công Chuyên (Bảo tàng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Chiêu (Bộ môn Khảo cổ học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội), Nguyễn Minh Sang và Nguyễn Ngọc Vân (Bảo tàng tỉnh An Giang).
- ⁷ Phạm Đức Mạnh - Đỗ Ngọc Chiến - Nguyễn Công Chuyên, *Báo cáo đào thám sát ở Gò Cây Tung (Tịnh Biên) và Gò Tư Trâm (Thoại Sơn)*, Tư liệu Bảo tàng Lịch sử - Văn hoá, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008; Phạm Đức Mạnh - Đỗ Ngọc Chiến - Nguyễn Công Chuyên, *Thống kê di vật khảo cổ học thời Tiền sử và Cổ sử ghi nhận trên đất An Giang năm 2006-2007* - Tư liệu Bảo tàng Lịch sử - Văn hoá, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.
- ⁸ Tổng Trung Tín - Bùi Minh Trí, *Khai quật di tích Gò Cây Tung, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang* (lần thứ nhất), sđd, tr.20-35.
- ⁹ Tổng Trung Tín - Bùi Minh Trí, *Khai quật di tích Gò Cây Tung, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang* (lần thứ nhất), sđd, tr.20-35.
- ¹⁰ Phạm Đức Mạnh - Đỗ Ngọc Chiến - Nguyễn Công Chuyên, *Báo cáo đào thám sát ở Gò Cây Tung (Tịnh Biên) và Gò Tư Trâm (Thoại Sơn)*, Tư liệu Bảo tàng Lịch sử - Văn hoá, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008; Phạm Đức Mạnh - Đỗ Ngọc Chiến - Nguyễn Công Chuyên, *Thống kê di vật khảo cổ học thời Tiền sử và Cổ sử ghi nhận trên đất An Giang năm 2006 - 2007* - Tư liệu Bảo tàng Lịch sử - Văn hoá, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.
- ¹¹ Chúng tôi chỉ tách lọc các loại hình chắc chắn nhất “thuộc thời kỳ văn hoá Óc Eo - hậu Óc Eo” ở di chỉ Gò Cây Tung là gồm có vôi, nắp có lỗ hoặc có núm, nổi nầu kim loại các kiểu đáng (PDM).
- ¹² Nguyễn Xuân Mạnh - Đặng Hồng Sơn - Andreas Reinecke, "Địa điểm Gò Ô Chùa (Long An) với quá trình chuyển tiếp Tiền Óc Eo lên Óc Eo ở Nam Bộ", tạp chí *Khảo cổ học*, số 6, Hà Nội, 2007, tr.37-55.
- ¹³ Tổng Trung Tín - Bùi Minh Trí, "Phế tích kiến trúc Gò Cây Tung (An Giang) qua đợt khai quật lần thứ nhất", tạp chí *Khảo cổ học*, số 2, Hà Nội, 1995, tr.68-83.
- ¹⁴ Nguyễn Lâm Cường, "Về những di cốt người cổ ở An Sơn (Long An) qua lần khai quật thứ 3", tạp chí *Khảo cổ học*, số 6, Hà Nội, 2006, tr.39-51.
- ¹⁵ Tổng Trung Tín - Bùi Minh Trí, *Khai quật di tích Gò Cây Tung (An Giang) lần thứ II* (1995), Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội, 1997.

- 16 Tống Trung Tín - Bùi Minh Trí - Nguyễn Minh Sang, *Khai quật địa điểm Gò Cây Tung (An Giang) lần thứ hai, Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1995*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tr.233-234.
- 17 Lê Xuân Diệm - Đào Linh Côn - Võ Sỹ Khải, *Văn hoá Óc Eo, những khám phá mới*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995, 472 trang.
- 18 Hà Văn Tấn, "Nhận xét về kết quả các chương trình khảo cổ học Trường Sa, Tây Nguyên, Nam Bộ", tạp chí *Khảo cổ học*, số 4, Hà Nội, 1996, tr.5-10.
- 19 Hà Văn Tấn, *Óc Eo - Những yếu tố nội sinh và ngoại sinh, Văn hoá Óc Eo và các văn hoá cổ ở đồng bằng Cửu Long*, Long Xuyên, 1984, tr.222-231.
- 20 Duff R, *Stone Adzes of Southeast Asia*, Canterbury Museum Bulletin, N° 3, 1970.
- 21 Tang Chung, ed., *East Asian Jade: Symbol of Excellence*, The Chinese University of Hong Kong, vol.III, 1998, p.15, pl.17.
- 22 Phạm Đức Mạnh, "Những trầm tích văn hoá chứa di vật đá thời Tiền sử - Sơ sử ở đồng bằng sông Cửu Long", tạp chí *Khảo cổ học*, số 2, Hà Nội, 2008, tr.45-63.
- 23 Tống Trung Tín - Bùi Minh Trí, *Khai quật di tích Gò Cây Tung, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (lần thứ nhất)*, Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội, 1994.
- 24 Nguyễn Lâm Cường - Nguyễn Kim Thủy, *Về di cốt người cổ ở Gò Cây Tung (An Giang), Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1995*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tr.50-51.
- 25 Tống Trung Tín - Bùi Minh Trí, *Khai quật di tích Gò Cây Tung, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (lần thứ nhất)*, Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội, 1994; Tống Trung Tín - Bùi Minh Trí, *Khai quật di tích Gò Cây Tung (An Giang) lần thứ II (1995)*, Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội, 1997.
- 26 Hà Văn Tấn, "Nhận xét về kết quả các chương trình khảo cổ học Trường Sa, Tây Nguyên, Nam Bộ", tạp chí *Khảo cổ học*, số 4, Hà Nội, 1996, tr.5-10.
- 27 Tống Trung Tín, Đóng góp vào việc nghiên cứu văn hoá Nam Bộ, Tham luận Hội thảo Quốc gia về "Văn hoá Óc Eo & Vương quốc Phù Nam", Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
- 28 Nguyễn Xuân Mạnh - Đặng Hồng Sơn - Andreas Reinecke, "Địa điểm Gò Ô Chùa (Long An) với quá trình chuyển tiếp Tiền Óc Eo lên Óc Eo ở Nam Bộ", *Khảo cổ học*, số 6, Hà Nội, 2007, tr.37-55.
- 29 Phạm Lý Hương - Nguyễn Quang Miên, "Các kết quả xác định niên đại bằng phương pháp Radiocarbon ở Việt Nam và một số nhận xét", *Khảo cổ học*, số 3, Hà Nội, 2001, tr.80-101.
- 30 Quang Văn Cậy - Nguyễn Văn Thành - Ngô Thế Phong, *Khai quật di chỉ khảo cổ học Lộc Giang, Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1994*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995, tr.162-164.
- 31 Hà Văn Tấn, *Óc Eo - Những yếu tố nội sinh và ngoại sinh, Văn hoá Óc Eo và các văn hoá cổ ở đồng bằng Cửu Long*, Long Xuyên, 1984, tr.222-231.
- 32 Võ Sỹ Khải, *Thời kỳ tiền Óc Eo ở Nam Bộ; Thời kỳ hậu Óc Eo ở Nam Bộ, Một số vấn đề khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2008, tr.349-378.
- 33 Sakurai, Y, "Thử phác hoạ cấu trúc lịch sử của khu vực Đông Nam Á", tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4, 1996, 37.
- 34 Phạm Đức Mạnh, "Những trầm tích văn hoá chứa di vật đá thời Tiền sử - Sơ sử ở đồng bằng sông Cửu Long", tạp chí *Khảo cổ học*, số 2, Hà Nội, 2008, tr.45-63.